

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIM SONG MÃ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỬA HÀNG BÁN XE VÀ DỊCH
VỤ DO HONDA ỦY NHIỆM KIM SONG MÃ 1**

*(Hồ sơ đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo Văn bản số 264/TNMT ngày 21/05/2024
của Phòng Tài nguyên và Môi trường TP Phan Rang-Tháp Chàm)*

**Địa điểm: Số 24 đường 16/4, phường Kinh Dinh, Tp. Phan Rang – Tháp
Chàm, tỉnh Ninh Thuận.**

Ninh Thuận, Năm 2024

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIM SONG MÃ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỬA HÀNG BÁN XE VÀ DỊCH
VỤ DO HONDA ỦY NHIỆM KIM SONG MÃ 1**

*(Hồ sơ đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo Văn bản số 264/TNMT ngày 21/05/2024
của Phòng Tài nguyên và Môi trường TP Phan Rang-Tháp Chàm)*

**Địa điểm: Số 24 đường 16/4, phường Kinh Dinh, Tp. Phan Rang – Tháp
Chàm, tỉnh Ninh Thuận.**

CHỦ ĐẦU TƯ
Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
Kim Song Mã
Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên

Nguyễn Thanh Hồng

Ninh Thuận, Năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
CHƯƠNG 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1.1. Tên chủ dự án đầu tư.....	6
1.2. Tên dự án đầu tư	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	7
1.4 Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở :	12
CHƯƠNG 2 SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	18
2.1 Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	18
2.2 Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường:	18
CHƯƠNG 3 HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	20
3.1 Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:	20
3.2 Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	21
3.3 Hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án.	24
CHƯƠNG 4 ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.	27
4.1 Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.....	27
4.2 Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành:.....	37
4.3 Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	50
4.4 Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	52
CHƯƠNG 5 NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	53
5.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	53
5.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải.....	54
5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn và độ rung.....	55
CHƯƠNG 6 KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	57

6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:.....	57
CHƯƠNG 7 CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN.....	59

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh học (đo ở 20°C trong 5 ngày)
BTCT	: Bê tông cốt thép
BVMT	: Bảo vệ môi trường
CHXHHCN	: Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
BQL	: Ban quản lý
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
HĐ	: Hợp đồng
HTXL	: Hệ thống xử lý
NĐ-CP	: Nghị định Chính phủ
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam
QĐ-BXD	: Quyết định Bộ Xây dựng
QĐ-BYT	: Quyết định – Bộ y tế
QĐ-UBND	: Quyết định - Ủy ban nhân dân
QH	: Quốc hội
QLDA	: Quản lý dự án
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	: Tiêu chuẩn xây dựng
TT-BTNMT	: Thông tư – Bộ Tài nguyên & Môi trường
WHO (World Health Organization)	: Tổ chức Y tế Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Các loại sản phẩm của dự án.....	9
Bảng 1.2: Nhu cầu về nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây dựng (dự kiến)	10
Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu phục vụ của dự án	10
Bảng 4.1: Hệ số ô nhiễm do mỗi người hàng ngày sinh hoạt đưa vào môi trường (nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý).....	27
Bảng 4.2: Nồng độ các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đầu vào.....	28
Bảng 4.4: Thành phần đặc trưng và khối lượng của rác thải sinh hoạt	29
Bảng 4.5: Bảng thống kê khối lượng xà bần phát sinh đối với từng hạng mục tháo dỡ	31
Bảng 4.6: Nhu cầu về nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây dựng (dự kiến)	32
Bảng 4.7: Tỷ lệ các chất ô nhiễm trong quá trình hàn điện kim loại	33
Bảng 4.8: Dự báo tải lượng khí thải trong công tác hàn thi công	34
Bảng 4.9: Mức ồn điển hình của các thiết bị, phương tiện thi công.....	35
Bảng 4.10: Kết quả tính toán và dự báo độ ồn cho khu vực dự án.	35
Bảng 4.11: Mức độ gây rung của một số loại máy móc xây dựng	36
Bảng 4.12: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	43
Bảng 4.13: Danh mục các loại hóa chất và chế phẩm sinh học sử dụng trong quá trình vận hành bể xử lý.....	43
Bảng 4.14: Bảng kết quả quan trắc nước thải sau xử lý của các cửa hàng xăng dầu	44
Bảng 4.15: Thông số kỹ thuật hệ thống thu khí xả.....	45
Bảng 4.16: Nồng độ các chất ô nhiễm khi chạy máy phát điện dự phòng	46
Bảng 4.17: Thành phần chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình hoạt động	47
Bảng 4.18: Thành phần chất thải nguy hại	48
Bảng 4.19: Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	50
Bảng 4.20: Tổ chức nhân sự cho công tác quản lý môi trường của khu trung tâm.....	51

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Vị trí dự án.....	6
Hình 1.2: Sơ đồ vị trí khu vực dự án	12
Hình 3.1: Vị trí xả nước thải sinh hoạt của dự án.....	22
Hình 3.2: Vị trí xả nước thải rửa xe của dự án	23
Hình 3.3: Phạm vi các dự án thoát nước và xử lý nước thải	24
Hình 3.4: Vị trí lấy mẫu hiện trạng nền.....	26
Hình 4.1: Sơ đồ bố trí công trình xử lý nước thải và thoát nước thải	38
Hình 4.2: Sơ đồ quy trình thu gom nước mưa dự án.....	37
Hình 4.3: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải của Dự án	40
Hình 4.4: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại	40
Hình 4.5: Sơ đồ xử lý nước thải rửa xe	41
Hình 4.6: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải rửa xe	42
Hình 4.7: Quy trình xử lý khí xả ô tô xe máy.....	45
Hình 4.8: Tham khảo ống hút và thùng lọc khí xả của cửa hàng Kim Song Mã khác..	46
Hình 4.9: Sơ đồ bố trí công trình xử lý khí thải	46
Hình 4.11: Tham khảo kho CTNH của cửa hàng Kim Song Mã khác.....	49

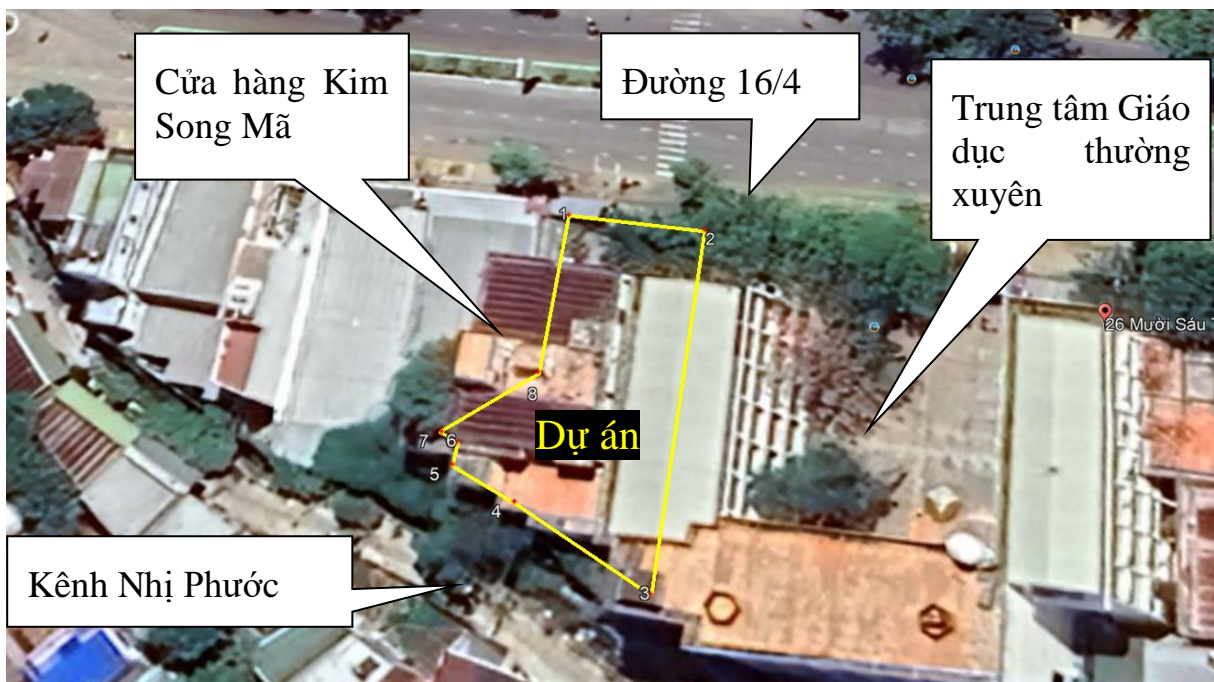
CHƯƠNG 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư

- Chủ đầu tư : Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kim Song Mã
- Địa chỉ liên hệ : Số 45 đường 16 tháng 4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận .
- Số điện thoại : 0259.3831 699
- Fax : 02593 831 355
- Người đại diện : Nguyễn Thanh Hồng
- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500376907 được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận, cấp lần đầu ngày 24/08/2009, thay đổi lần 7 ngày 29/03/2023.

1.2. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án: Cửa hàng Bán xe và Dịch vụ do Honda Ủy nhiệm Kim Song Mã 1.
- Địa điểm thực hiện dự án: tại số 24, đường 16 tháng 4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Dự án thuê từ Trụ sở Bảo hiểm xã hội tỉnh, vị trí tiếp giáp của Dự án cụ thể như sau:
 - Phía Đông tiếp giáp với Trung tâm Giáo dục thường xuyên;
 - Phía Nam giáp Kênh Nhị Phước;
 - Phía Bắc giáp đường 16 tháng 4;
 - Phía Tây giáp thửa đất 188 (cửa hàng Kim Song Mã)



Hình 1.1: Vị trí dự án

- Quy mô dự án đầu tư: Dự án Cửa hàng Bán xe và Dịch vụ do Honda Ủy nhiệm Kim Song Mã 1 có Tổng mức đầu tư dự kiến: 6.000.000.000 đồng (*Sáu tỷ đồng*), theo quy định tại Khoản 4 Điều 10 Luật đầu tư công và Phụ lục I (*mục V phần A*) của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ (*quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công*) thì dự án thuộc nhóm C.

- Dự án thuộc mục số 02 Phụ lục V của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường do đó dự án thuộc đối tượng lập giấy phép môi trường theo Điều 39 của Luật bảo vệ môi trường. Theo khoản 4 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 thì dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

- Tiến độ thực hiện dự án: 3 tháng (dự kiến từ ngày 15/6 đến ngày 15/9)

STT	Công tác thi công	Thời gian dự kiến
1	Chuẩn bị thi công (Bao che chắn công trình, tháo dỡ hạng mục cũ)	10 ngày
2	Thi công xây dựng	75 ngày
3	Vệ sinh, bàn giao	5 ngày

Văn bản pháp lý của dự án :

- Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất trả tiền thuê đất hàng năm và giá trị tài sản gắn liền với đất đối với Trụ sở bảo hiểm xã hội tỉnh, số 24 đường 16 tháng 4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

- Quyết định số 01/QĐ-K.S.M ngày 24/04/2024 của công ty TNHH Kim Song Mã về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cửa hàng bán xe và dịch vụ do Honda ủy nhiệm Kim Song Mã 1.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất của dự án đầu tư.

Công suất thiết kế của dự án dự kiến thực hiện:

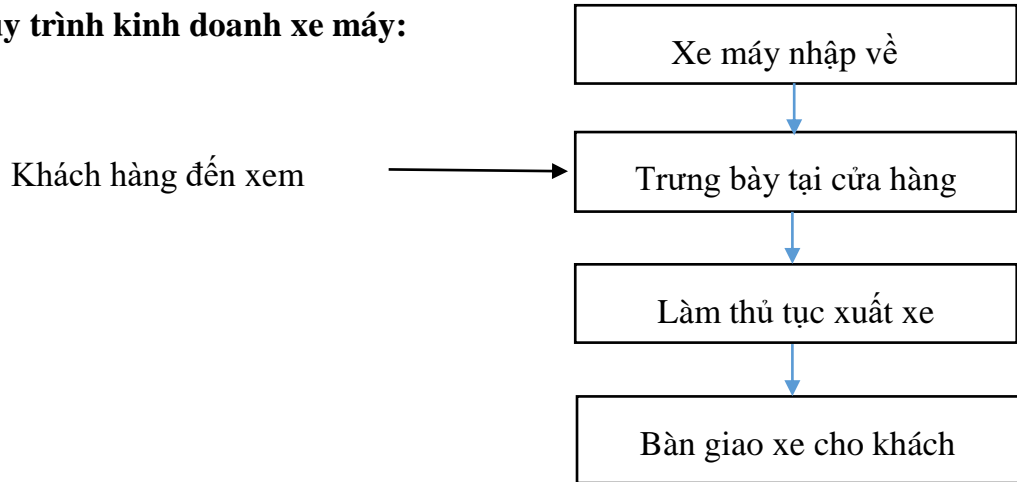
- +Sản phẩm xe máy bán ra: 1.800 xe/năm.
- +Sửa chữa, bảo dưỡng xe máy: 18.000 xe/năm.

1.3.2. Quy trình kinh doanh, sửa chữa và bảo dưỡng xe máy của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn quy trình sửa chữa, bảo dưỡng của Dự án đầu tư

1.3.2.1. Quy trình kinh doanh, sửa chữa và bảo dưỡng xe máy

Quy trình kinh doanh, sửa chữa và bảo dưỡng xe máy của dự án như sau:

- Quy trình kinh doanh xe máy:

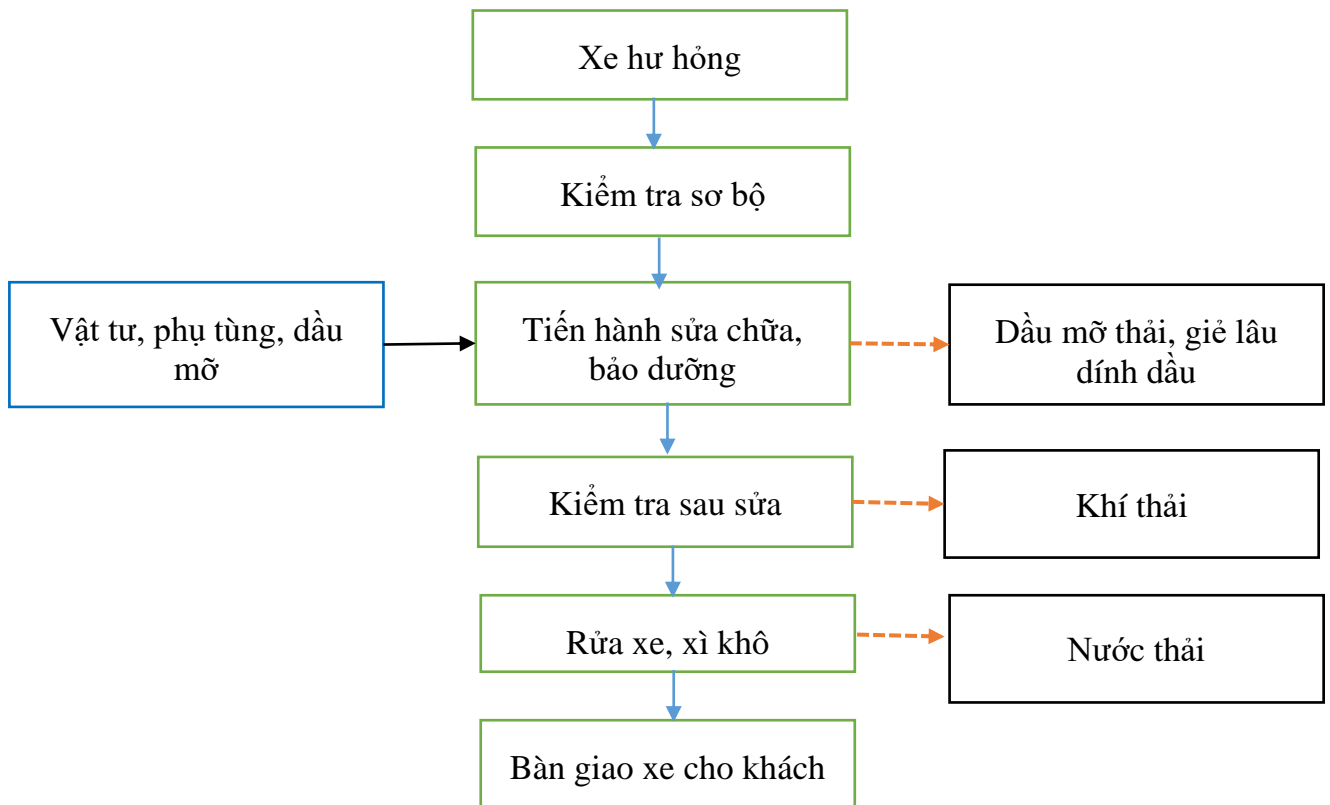


Hình 1.1: Quy trình kinh doanh xe máy của Dự án

- Thuyết minh quy trình:

Xe máy khi nhập về sẽ được xếp vào kho, nhân viên sẽ lựa chọn mỗi mẫu xe một chiếc và đưa lên phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm của Dự án. Khi khách hàng đến xem xe sẽ lựa chọn các mẫu xe ưng ý, nhân viên sẽ lấy xe từ trong kho, tiến hành kiểm tra và làm thủ tục xuất xe. Sau khi khách hàng thanh toán và hoàn thiện thủ tục xuất xe, xe sẽ được bàn giao cho khách hàng.

- Quy trình sửa chữa, bảo dưỡng xe máy:



Hình 1.2: Quy trình kinh doanh xe máy của Dự án

- Thuyết minh quy trình:

Xe hư hỏng vào xưởng sẽ được kiểm tra sơ bộ để đánh giá tình trạng hư hỏng của xe trước khi tiến hành sửa chữa để xác định bộ phận và mức độ hư hỏng. Sau khi kiểm tra xong tùy theo mức độ hư hỏng của xe mà công ty tiến hành sửa chữa, thay máy móc, vật tư, phụ tùng, tra dầu mỡ ... Công đoạn này phát sinh chất thải là dầu mỡ thải và giẻ lau dính dầu.

Xe sau khi sửa xong sẽ được chuyển qua công đoạn kiểm tra sau sửa để đánh giá, thử xe, tại công đoạn này có phát sinh khí thải từ quá trình nổ máy kiểm tra xe. Tiếp theo là công đoạn rửa xe, xe sau sửa sẽ được rửa trước khi giao cho khách hàng, công đoạn này có phát sinh nước thải.

1.3.2.2. Đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư xây dựng Cửa hàng bán xe và dịch vụ do Honda ủy nhiệm Kim Song Mã 1 là loại dự án mới.
- Loại hình kinh doanh kết hợp sửa chữa: Công ty bán các sản phẩm xe máy cho người tiêu dùng và kinh doanh sửa chữa, bảo dưỡng xe.
- Về công nghệ sửa chữa: Dự án áp dụng công nghệ sửa chữa hiện đại: sử dụng các thiết bị nâng hạ tạo điều kiện thuận lợi cho thợ sửa chữa xe, rút ngắn thời gian sửa chữa.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

- Sản phẩm từ hoạt động kinh doanh xe máy: xe máy và các dịch vụ tiện ích đi kèm như bảo dưỡng, bảo hiểm xe máy.
- Sản phẩm từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe máy: dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa xe hỏng.

Công suất thiết kế ổn định của dự án như sau:

Bảng 1.1: Các loại sản phẩm của dự án

STT	Sản phẩm	Công suất (sản phẩm/năm)
1	Sửa chữa bảo dưỡng xe máy	18.000
2	Bán và giới thiệu sản phẩm	1.800

Nguồn: Công ty TNHH Kim Song Mã, 2024

1.4 Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.4.1 Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

a. Nhu cầu về nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây dựng

Nguồn vật liệu dùng để xây dựng sử dụng các nguồn vật liệu sẵn có tại địa phương được trình bày cụ thể trong bảng sau:

Bảng 1.2: Nhu cầu về nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây dựng (dự kiến)

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng (Tấn/m ³)	Nguồn cung cấp
1	Cát xây, tô	m ³	50	70	Mỏ cát dọc Sông Dinh
2	Đá chẻ 20x20x25	m ³	15	22,5	Mỏ đá Đèo Cậu
3	Đá 1 x 2	m ³	30	46,5	
4	Đá 4 x 6	m ³	20	31	
5	Đinh các loại	Kg	200	0,2	Nguồn cung cấp tại thị trường Phan Rang
6	Que hàn	Hộp	10	0,25	
7	Thép	kg	500	0,5	
8	Xi măng PC 40	tấn	5	5	
9	Gạch ống	Viên	10.000	10	
Tổng cộng				186	

Nguồn: Dự toán nguyên vật liệu, Công ty TNHH Kim Song Mã, 2024

b. Nguồn cung cấp điện, nước:

- Cấp điện: Nguồn điện cho thi công công trình được đấu nối vào hệ thống điện quốc gia của khu vực.

- Cấp nước: Nguồn cấp nước được lấy từ mạng lưới cấp nước chung của Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận.

1.4.2 Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án trong giai đoạn hoạt động của dự án.

a. Nhu cầu nguyên, vật liệu giai đoạn hoạt động

- Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu trong giai đoạn hoạt động: Xe máy nguyên chiếc và phụ tùng xe máy của hãng Honda.

Ngoài ra, các nguyên vật liệu phục vụ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm của dự án bao gồm dầu nhớt, dung môi,...với nguồn cung cấp từ các nhà cung cấp trong nước.

Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu phục vụ của dự án

STT	Nguyên liệu	DVT	Số lượng (DVT/tháng)
1	Dầu giảm sóc	lít	2
2	Dung môi lau	lít	1

STT	Nguyên liệu	DVT	Số lượng (DVT/tháng)
3	Dung dịch làm sạch buồng đốt	lít	2
4	Dầu xe máy	lít	160
5	Giẻ lau	Kg	100

Nguồn: Công ty TNHH Kim Song Mã, 2024

b. Nguồn cung cấp điện, nước

- Cấp điện: Nguồn cung cấp cho dự án là điện lưới của công ty điện lực Ninh Thuận. Điện được sử dụng cho hoạt động kinh doanh, bảo dưỡng xe và sinh hoạt của dự án. Nhu cầu sử dụng điện của dự án trong giai đoạn hoạt động trung bình khoảng 200 kWh/tháng.

- Cấp nước: Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận.

* Dự báo nhu cầu nước sử dụng khi đi vào hoạt động (theo định mức):

Cửa hàng bán xe và dịch vụ do Honda ủy nhiệm Kim Song Mã 1 được xây dựng trên cơ sở sát nhập 2 chi nhánh là Cửa hàng bán xe Kim Song Mã và Cửa hàng sửa chữa, bảo dưỡng xe Kim Song Mã trên đường 16 tháng 4, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Sau khi Cửa hàng bán xe và dịch vụ do Honda ủy nhiệm Kim Song Mã 1 đưa vào hoạt động toàn bộ vật tư, nhân viên đang làm việc tại 2 chi nhánh sẽ được dời về dự án, và đóng cửa 2 chi nhánh.

Do đó, tham khảo nhu cầu nước cấp trong thời điểm hoạt động của cả 2 chi nhánh. Dự kiến nhu cầu sử dụng nước khi dự án đi vào hoạt động như sau:

Nhu cầu sử dụng nước của cả 2 chi nhánh (căn cứ hoá đơn tiền nước với công ty cổ phần cấp nước tỉnh Ninh Thuận) như sau:

Bảng 1.4 Bảng tiêu thụ nước của cả 2 chi nhánh

Năm		2023					2024				
Tháng		8	9	10	11	12	1	2	3	4	5
Khối lượng tiêu thụ (m ³)	Cửa hàng sửa chữa, bảo dưỡng xe Kim Song Mã	52	48	48	54	47	59	46	26	45	43
	Cửa hàng bán xe Kim Song Mã	15	15	19	17	19	21	16	19	19	16
	Tổng nhu cầu	67	63	67	71	66	80	62	45	64	59

Nguồn: Hoá đơn nước, Công ty TNHH Kim Song Mã, 2024

Lấy số liệu nước cấp cao nhất là vào **tháng 1/2024** để tính toán. Công ty không tổ chức nấu ăn, nhân viên sẽ tự túc chuẩn bị bữa ăn hoặc ăn ca tại các quán ăn xung quanh khu vực dự án. Trong đó, cửa hàng bán xe Kim Song Mã chỉ sử dụng nước cấp cho mục đích sinh hoạt của nhân viên. Cửa hàng sửa chữa, bảo dưỡng xe Kim Song

Mã sử dụng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của nhân viên và nước cấp cho hoạt động rửa xe. Số lượng nhân viên tại 2 chi nhánh là như nhau. Quy ước nước cấp sinh hoạt cho nhân viên tại mỗi cửa hàng là tương đương.

Do đó, ước tính nước cấp sinh hoạt cho nhân viên khi dự án đi vào hoạt động khoảng $21 \text{ m}^3/\text{tháng} \times 2 = 42 \text{ m}^3/\text{tháng}$ (tương đương $1,36 \text{ m}^3/\text{ngày}$).

Nước cấp cho hoạt động rửa xe khoảng $80 \text{ m}^3/\text{tháng} - 42 \text{ m}^3/\text{tháng} = 38 \text{ m}^3/\text{tháng}$ (tương đương $1,23 \text{ m}^3/\text{ngày}$).

Theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014, lượng nước thải sinh hoạt ra môi trường bằng 100% lượng nước cấp sử dụng:

Nước thải sinh hoạt của nhân viên và khách hàng tại cửa hàng: $Q_{\text{thải1}} = 1,36 \text{ m}^3/\text{ngày}$

Nước thải từ hoạt động bảo dưỡng xe máy của cửa hàng: $Q_{\text{thải}} = 1,23 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

1.5 Các thông tin khác liên quan đến cơ sở :

1.5.1 Vị trí địa lý của dự án :

- Vị trí xây dựng giáp đường 16 tháng 4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nằm tại vị trí trung tâm thành phố nên rất thuận lợi về mặt giao thông.



Hình 1.2: Sơ đồ vị trí khu vực dự án

Giới cận khu đất như sau:

- Phía Đông tiếp giáp với Trung tâm Giáo dục thường xuyên;
- Phía Nam giáp Kênh Nhị Phước;
- Phía Bắc giáp đường 16 tháng 4;
- Phía Tây giáp thửa đất 188 (cửa hàng Kim Song Mã)

Khu đất được thuê lại từ Trụ sở Bảo hiểm xã hội tỉnh. Cách Nhà văn hóa tỉnh khoảng 50m về phía đông bắc, cách 20m về phía bắc là ngân hàng Vietcombank. Cách 50m về phía Đông là công ty xổ số kiến thiết tỉnh Ninh Thuận. Phía tây và Nam là khu dân cư phường Kinh Dinh.

Vị trí khu đất thuộc thửa số 190 - tờ bản đồ số 6, diện tích: 620 m², mục đích sử dụng: đất thương mại, dịch vụ đã được UBND tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 09/01/2024, số DK 552889, số vào sổ cấp GCN: CT 05971.

Hình ảnh hiện trạng khu đất dự kiến thực hiện dự án



Vị trí khu đất dự kiến xây dựng dự án



Đường 16 tháng 4 khu vực dự án



Tham khảo mô hình cửa hàng Kim Song Mã đang hoạt động

1.5.2 Văn bản pháp lý của dự án :

- Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất trả tiền thuê đất hàng năm và giá trị tài sản gắn liền với đất đối với Trụ sở bảo hiểm xã hội tỉnh, số 24 đường 16 tháng 4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 09/01/2024, số DK 552889, số vào sổ cấp GCN: CT 05971.

- Quyết định số 01/QĐ-K.S.M ngày 24/04/2024 của công ty TNHH Kim Song Mã về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Cửa hàng bán xe và dịch vụ do Honda ủy nhiệm Kim Song Mã 1.

- Văn bản số 02/CV-KSM ngày 06/05/2024 của công ty TNHH Kim Song Mã về việc xin ý kiến về đấu nối nước thải đã xử lý của Cửa hàng Bán xe và Dịch vụ do Honda Ủy nhiệm Kim Song Mã 1

1.5.3 Hạng mục chính của dự án :

Chủ dự án sẽ sửa chữa, bố trí lại các phòng tại tầng trệt, tầng 1; giữ nguyên kết cấu các phòng tầng 2, tầng 3, tầng mái, sơn mới lại toàn bộ công trình và lắp khung kính mặt tiền.

Kết cấu tầng trệt và tầng một được thay đổi như sau:

❖ Tầng trệt:

Hạng mục xây mới: thang thoát hiểm, nhà vệ sinh nam và nữ; kho xe, nhà vệ sinh nhân viên, khu trưng bày, kho phụ tùng, quầy bán hàng và quầy dịch vụ và các hạng mục môi trường như hệ thống thu gom và thoát nước, bể tách dầu, bể ba ngăn, bể tự hoại.

Hạng mục tận dụng từ văn phòng cũ: kho chất thải nguy hại; phòng thợ chờ; kho phụ kiện; khu sửa chữa nặng; phòng rửa xe.

Các hạng mục cũ được tháo dỡ: 3 phòng với diện tích 15,5 m²/phòng; 1 phòng diện tích 44 m²; 1 phòng diện tích 28,3 m²; 1 nhà vệ sinh diện tích 5,3 m²; 1 nhà vệ sinh diện tích 2,4 m²; 1 văn phòng cũ diện tích 17,6 m².

❖ Tầng một:

Hạng mục xây mới: phòng kế toán + chăm sóc khách hàng, kho hàng khuyến mãi, nhà vệ sinh nam và nhà vệ sinh nữ, phòng giám đốc, kho xe, khu trưng bày mặt tiền.

Hạng mục tận dụng từ văn phòng cũ: phòng kinh doanh, kho phụ tùng, phòng đào tạo.

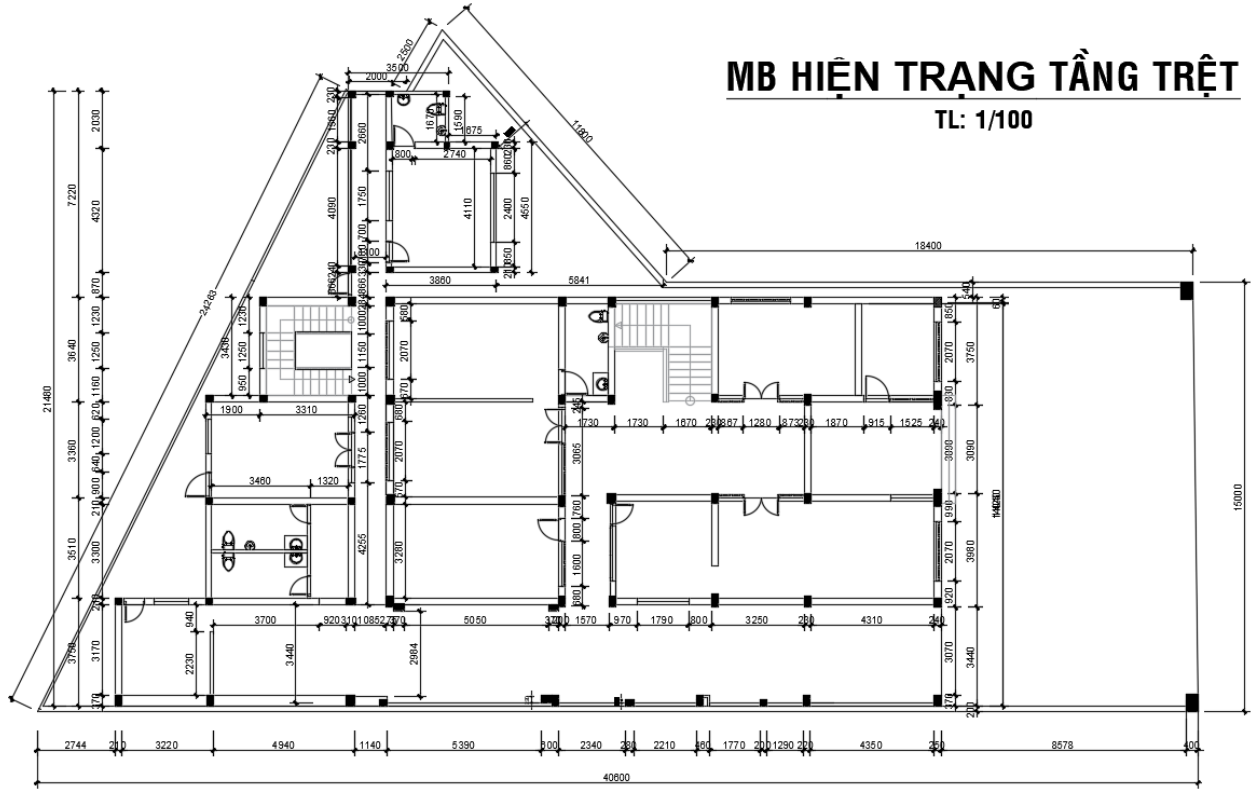
Các hạng mục cũ được tháo dỡ: Phá dỡ 1 khu nhà vệ sinh diện tích 23 m²; 2 văn phòng cũ diện tích 33 m²/phòng; 2 văn phòng cũ diện tích 19,8 m²/phòng.

Bảng 1.5 Các công trình hạng mục tại dự án

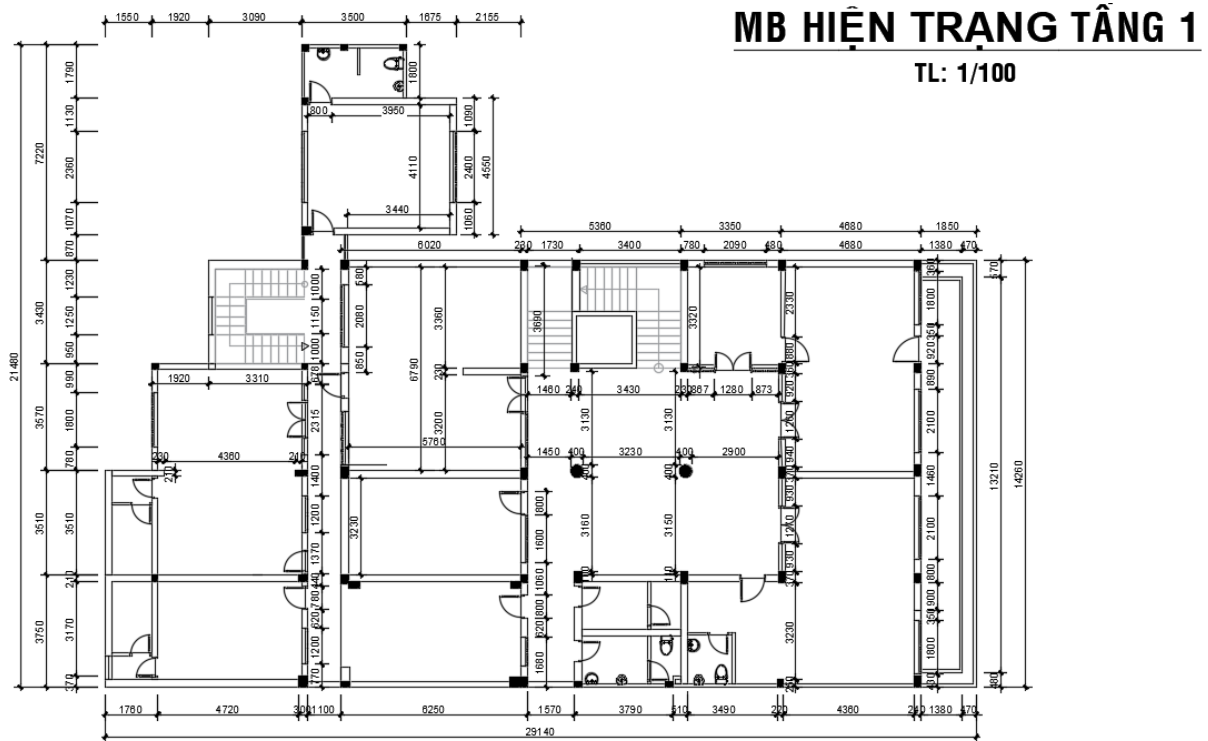
STT	Tên công trình	Ghi chú	Quy mô
I	Tầng trệt		
1	Khu trưng bày	Phá dỡ 3 phòng với diện tích 15,5 m ² /phòng; 1 phòng diện tích 44 m ² ; 1 phòng diện tích 28,3 m ² ; 1 nhà vệ sinh diện tích 5,3 m ² để xây mới các hạng mục.	106,8 m ²
2	Kho phụ tùng		25,9 m ²
3	Quầy bán hàng và quầy dịch vụ		54,8 m ²
4	Nhà vệ sinh nam và nữ		14,5 m ²
5	Kho Chất thải nguy hại	sửa chữa cải tạo từ 1 văn phòng cũ	3,4 m ²
6	Phòng thợ chờ		6,4 m ²
7	Kho phụ kiện	Tận dụng lại văn phòng cũ	16 m ²
8	Khu sửa chữa nặng	Tận dụng lại sảnh công trình cũ	117,6 m ²
9	Kho xe	Phá dỡ 1 nhà vệ sinh diện tích 2,4 m ² và 1 văn phòng cũ diện tích 17,6 m ² để xây mới các hạng mục.	53,5 m ²
10	Phòng rửa xe	Sửa chữa lại từ nhà vệ sinh cũ	11 m ²
11	Nhà vệ sinh nhân viên	Xây mới	5,8 m ²
II	Tầng 1		
12	Phòng kinh doanh	Tận dụng lại văn phòng cũ	16,7 m ²
13	Kho phụ tùng	Tận dụng lại văn phòng cũ	34 m ²
14	Phòng đào tạo	Tận dụng lại văn phòng cũ	39 m ²
15	Phòng kế toán + chăm sóc khách hàng	Phá dỡ 1 khu nhà vệ sinh diện tích 23 m ² ; 2 văn phòng cũ diện tích 33 m ² /phòng; 2 văn phòng cũ diện tích 19,8 m ² /phòng để xây mới các hạng mục.	17,6 m ²
16	Kho hàng khuyến mãi		16 m ²
17	Nhà vệ sinh nam và nhà vệ sinh nữ		12 m ²
18	Phòng giám đốc		24 m ²
19	Kho xe		134 m ²
20	Khu trưng bày mặt tiền		26 m ²

Nguồn: Công ty TNHH Kim Song Mã, 2024

Mặt bằng hiện trạng dự án tại tầng trệt và tầng 1 như sau:

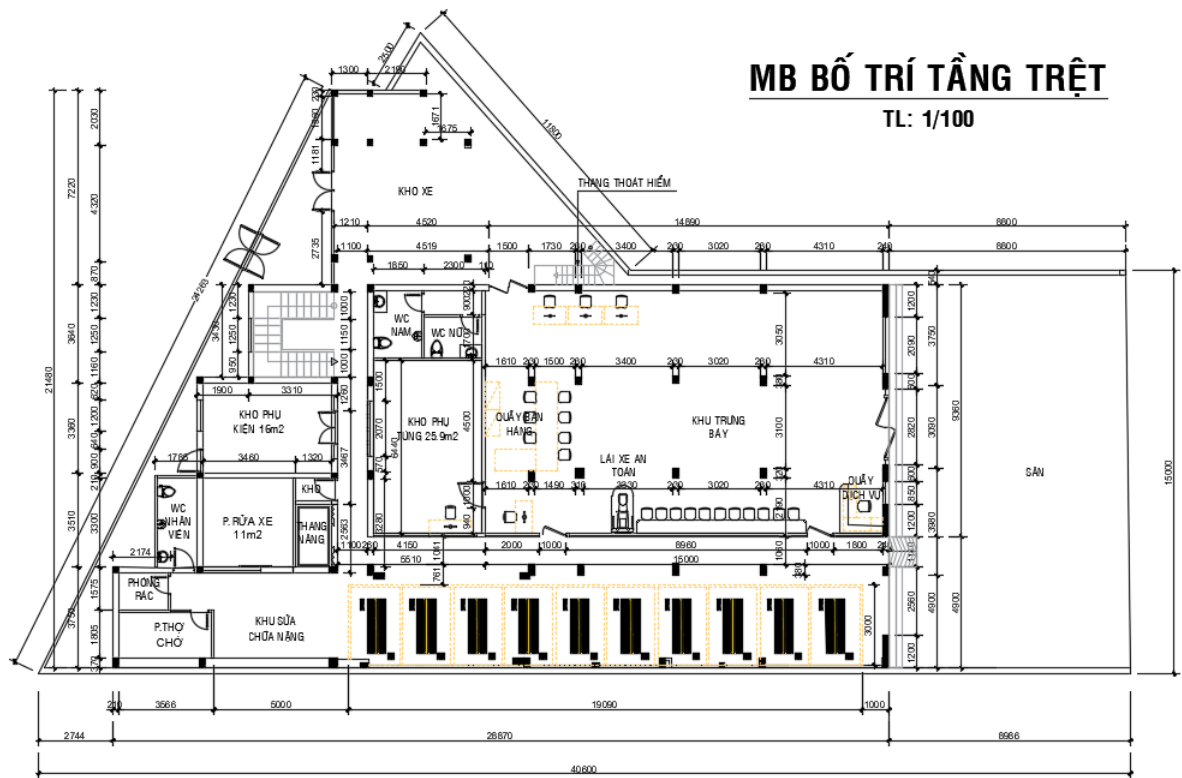


Hình 1.3 Mặt bằng hiện trạng dự án tại tầng trệt

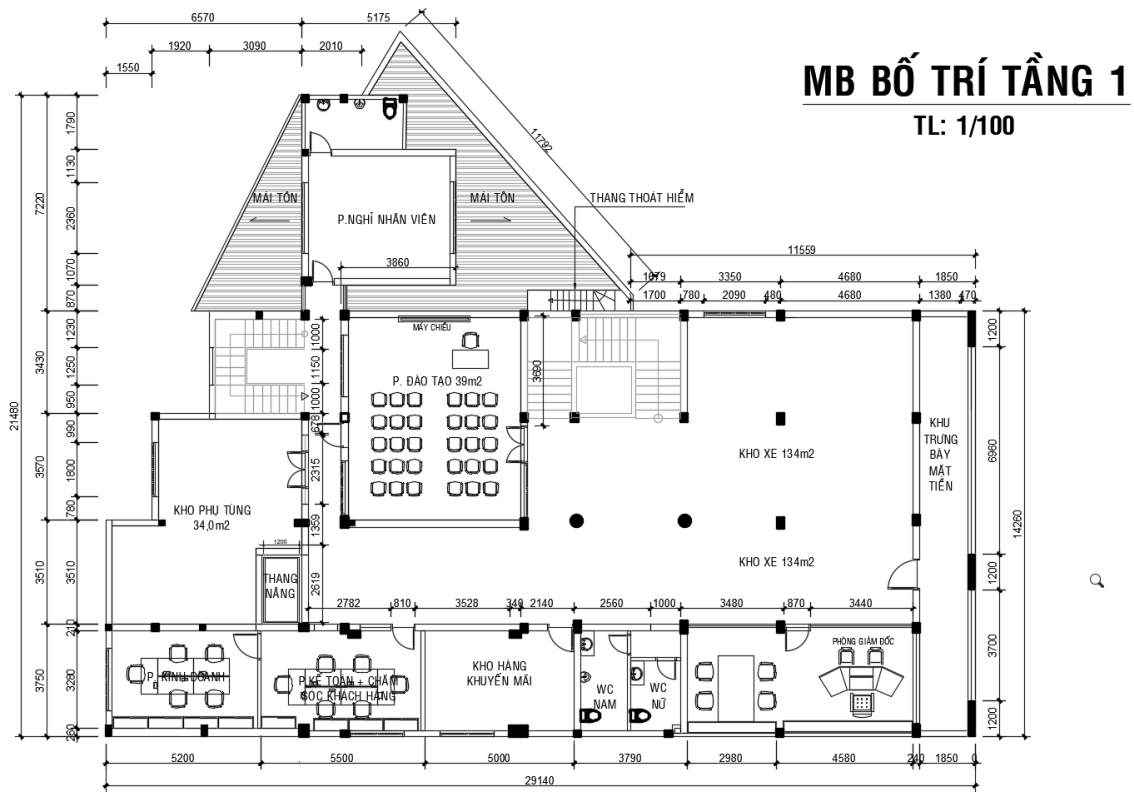


Hình 1.4 Mặt bằng hiện trạng dự án tại tầng 1

Mặt bằng thiết kế dự án tại tầng trệt và tầng 1 như sau:



Hình 1.5 Mặt bằng thiết kế dự án tại tầng trệt



Hình 1.6 Mặt bằng thiết kế dự án tại tầng 1

CHƯƠNG 2

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1 Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án đầu tư xây dựng Cửa hàng bán xe và dịch vụ do Honda ủy nhiệm Kim Song Mã 1 nằm trong diện tích đất của Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Thuận (cũ) và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho Công ty TNHH Kim Song Mã thuê đất tại Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 17/10/2023.

Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 09/01/2024, số DK 552889, số vào sổ cấp GCN: CT 05971 với mục đích sử dụng đất là thương mại, dịch vụ phù hợp với quy hoạch thành phố Phan Rang – Tháp Chàm nói riêng và quy hoạch tỉnh Ninh Thuận nói chung.

Khu vực đầu tư dự án không trùng lán với các công trình, dự án khác.

2.2 Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Đối với giai đoạn xây dựng Hoạt động xây dựng dự án chủ yếu là cải tạo lại tòa nhà của trụ sở bảo hiểm xã hội tỉnh cũ. Quá trình triển khai xây dựng của dự án có phát sinh chất thải như: nước thải, khí thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt... Tuy nhiên, lượng chất thải xây dựng, nước thải thi công xây dựng và lượng rác thải, nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân tương đối ít.

Trong quá trình xây dựng phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động phá dỡ, hoạt động thi công xây dựng, các phương tiện ra vào, vận chuyển nguyên vật liệu,... Các chất gây ô nhiễm không khí do hoạt động này phát sinh từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của động cơ đốt trong (chủ yếu là dầu DO) sản sinh ra các chất gây ô nhiễm không khí như: bụi, khói, CO, NO_x, SO_x, THC,... Lượng khí này rất khó định lượng vì đây là nguồn phân tán và chịu tác động của nhiều yếu tố tự nhiên khác như: chất lượng đường sá, tốc độ gió,...

Các nguồn thải này nếu không được thu gom và xử lý theo quy định đạt chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường có thể gây ảnh hưởng đến người dân và môi trường xung quanh dự án.

Vì thế, Chủ dự án sẽ có các biện pháp giảm thiểu như phun nước dập bụi, làm hàng rào chắn bao quanh khu vực thi công, phủ bạt kín thùng xe khi vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng.

Đối với Giai đoạn vận hành

+ *Nước thải sinh hoạt*: phát sinh khoảng 1,36 m³/ngày được thu gom về bể tự hoại dung tích 11,73 m³ để xử lý. Nước thải sau xử lý được đấu nối vào hố ga trên đê kênh Nhị Phước thuộc hệ thống thoát nước tập trung của khu vực và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm xử lý.

+ *Nước thải rửa xe máy*: phát sinh khoảng 1,23 m³/ngày được thu gom về bể tách dầu dung tích 0,5m³, sau xử lý được dẫn về bể xử lý 3 ngăn dung tích 2 m³. Nước thải sau khi xử lý qua công đoạn cuối cùng đã đạt quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B sẽ được

thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên trục đường 16 tháng 4 .

+ *Chất thải rắn sinh hoạt*: phát sinh khoảng 17,8 kg/tháng. Chất thải rắn sinh hoạt của dự án được thu gom chuyên giao cho đơn vị có chức năng (công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Nam Thành Ninh Thuận) thu gom và xử lý theo đúng quy định.

+ *Chất thải rắn nguy hại*: ước tính khoảng 28 kg/tháng sẽ được thu gom và lưu giữ tạm thời tại kho chứa CTNH diện tích 3,4 m² (kích thước: 2,17 m x 1,6 m) đúng quy định theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ *Bụi, khí thải*: khí thải ống bô xe máy được đi qua ống hút khí xả có lắp mô tơ nhằm hút được hết lượng khí có trong bô xe khi xe khởi động. Theo đó khí thải xả ra trong quá trình nổ máy được hút hết đi theo đường ống sang thùng lọc khí, tại đây có đặt màng lọc nhằm hấp thụ các chất ô nhiễm, bụi trong ống xả thải ra.

Lượng khí thải sau khi được hấp thụ bởi màng lọc sẽ đi theo đường ống dẫn và thải ra ngoài môi trường.

Chủ dự án sẽ tuân thủ, chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo môi trường theo các quy chuẩn nêu trên.

Do đó việc đầu tư và xây dựng dự án là hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG 3

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1 Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:

a. Dữ liệu về hiện trạng môi trường

Dữ liệu về chất lượng không khí xung quanh

Theo kết quả thực tế đo đạc tại khu vực dự án (trước cổng dự án) được thực hiện ngày 26/04/2024, có thể nhận thấy tuy dự án nằm vị trí khu vực trung tâm thành phố, giáp đường 16 tháng 4, kinh tế phát triển, lượng phương tiện di chuyển tương đối nhiều nhưng các thông số tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTMT; thông số độ rung nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTMT; Chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực dự án khá tốt, các thông số đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

Bảng 3.1: Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả			QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 27:2010/BTNMT
			Lần 1	Lần 2	Lần 3			
1	Độ ồn	dBA	62,5	60,8	63,1	≤70	-	-
2	Độ rung	dB	38	41	39	-	-	≤70
3	Bụi	µg/Nm ³	139	135	143	-	300	-
4	NO ₂	µg/Nm ³	64,6	59,9	68,7	-	200	-
5	SO ₂	µg/Nm ³	77,3	70,5	81,0	-	350	-

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh, 2024

Dữ liệu về chất lượng môi trường nước xung quanh

Theo kết quả thực tế đo đạc tại Kênh Nhị Phước được thực hiện ngày 26/04/2024, các thông số vượt giới hạn cho phép QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B) quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Có thể nhận thấy tình trạng nước mặt tại kênh đang bị ô nhiễm nguyên nhân tại thời điểm lấy mẫu khu vực đang thực hiện thi công hệ thống thoát nước tập trung của thành phố.

Bảng 3.2: Kết quả phân tích chất lượng môi trường nước mặt kênh Nhị Phước

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	NM			QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B)
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	pH	-	6,58	6,42	6,67	6,0 – 8,5
2	TSS	mg/L	47	51	49	≤ 100
3	BOD ₅	mg/L	16	18	17	≤ 6
4	COD	mg/L	27	29	28	≤ 15

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	NM			QCVN 08:2023/BTN MT (Mức B)
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
5	Tổng Photpho	mg/L	0,34	0,41	0,46	≤ 0,3
6	Tổng Nitơ	mg/L	<6,67 ^(a)	<6,67 ^(a)	<6,67 ^(a)	≤ 1,5
7	Coliform	MPN/100mL	3,3x10 ³	3,9x10 ³	3,4x10 ³	≤ 5.000

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh, 2024

(Phiếu kết quả phân tích đính kèm phụ lục)

b. Hiện trạng đa dạng sinh học

Theo kết quả điều tra khảo sát hiện trạng tài nguyên sinh vật khu vực thực hiện dự án có tổng diện tích 620 m² được cải tạo từ Trụ sở bảo hiểm xã hội tỉnh cũ. Trong khu vực thực hiện dự án không có các loại động thực vật thuộc loại đặt hữu quý hiếm. Trong và lân cận khu vực dự án cũng không có vùng sinh thái nhạy cảm nào, không có khu di tích lịch sử.

3.2 Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

3.2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn tiếp nhận nước thải:

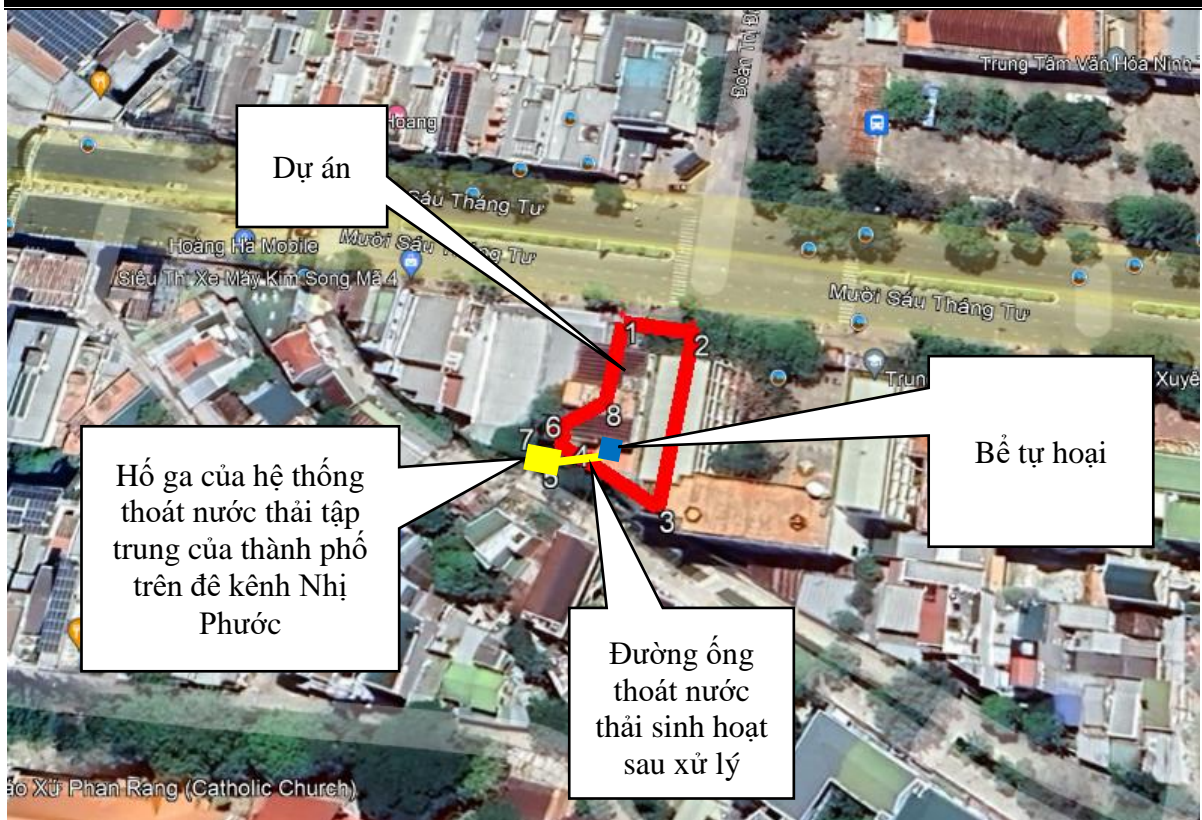
a. Hệ thống thoát nước thải tập trung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt là hệ thống thoát nước thải tập trung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Vị trí tiếp nhận: hồ ga trên đê Kênh Nhị Phước (có tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15, múi chiều 3⁰ X = 1279122, Y = 580745).

Đơn vị quản lý: Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm - Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Hệ thống thoát nước thải tập trung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm thu gom nước thải và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để xử lý.



Hình 3.1: Vị trí xả nước thải sinh hoạt của dự án

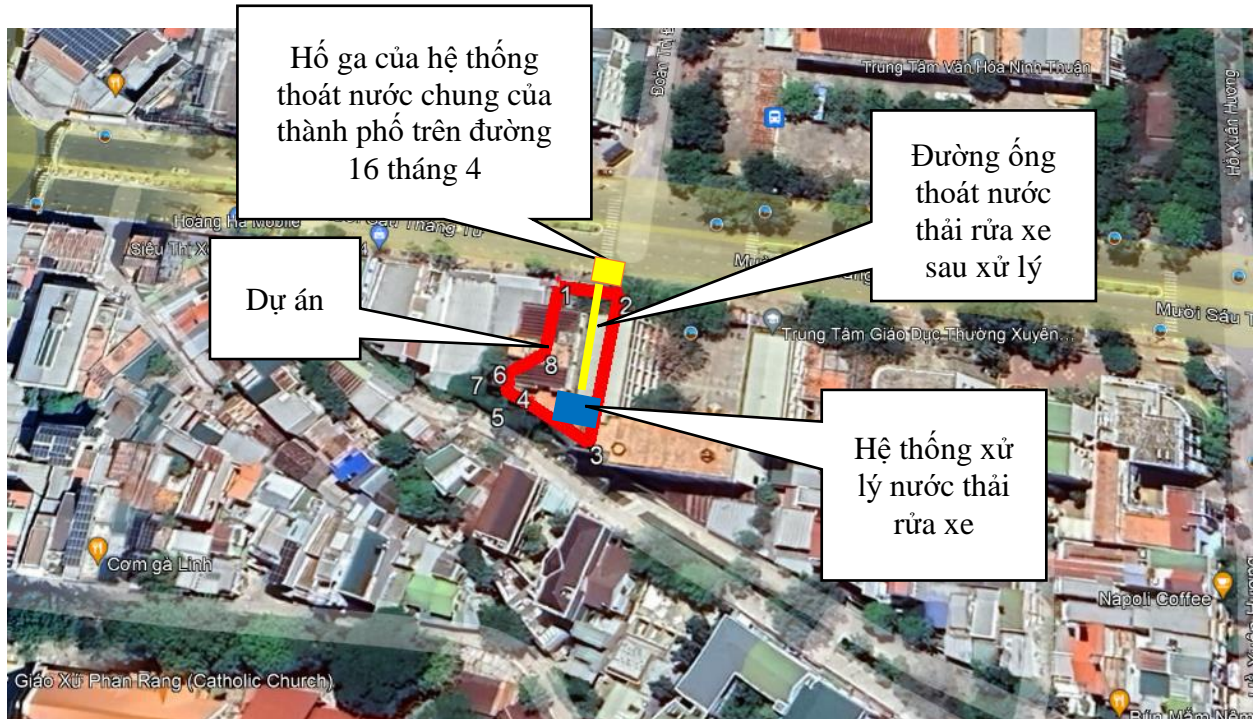
b. Hệ thống thoát nước chung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Nguồn tiếp nhận nước thải rửa xe là hệ thống thoát nước chung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Vị trí tiếp nhận: hồ ga thoát nước chung trên đường 16 tháng 4 (có tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108^o15, múi chiều 3^o X = 1279159, Y = 580764).

Đơn vị quản lý: Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm - Ban Quản lý dịch vụ công ích thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Hệ thống thoát nước của thành phố Phan Rang -Tháp Chàm hiện hữu là hệ thống thoát nước chung, bao gồm mạng lưới cống tròn D400 - D1000 và mương, cống hộp B300 - B800. Hệ thống thu gom nước mưa khu vực trước khi thoát ra kênh Chà Là.



Hình 3.2: Vị trí xả nước thải rửa xe của dự án

3.2.2. Mô tả các hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải:

Công ty đã gửi Văn bản số 02/CV-KSM ngày 06/05/2024 của công ty TNHH Kim Song Mã về việc xin ý kiến về đầu nối nước thải đã xử lý của Cửa hàng Bán xe và Dịch vụ do Honda Ủy nhiệm Kim Song Mã 1 đến Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để thỏa thuận đầu nối nước thải sinh hoạt vào hố ga trên đê kênh Nhị Phước thuộc hệ thống thoát nước thải tập trung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm và nước thải rửa xe sau xử lý đạt cột B, QCVN 29:2010/BTNMT vào hố ga trên trục đường 16 tháng 4 thuộc hệ thống thoát nước chung của thành phố.

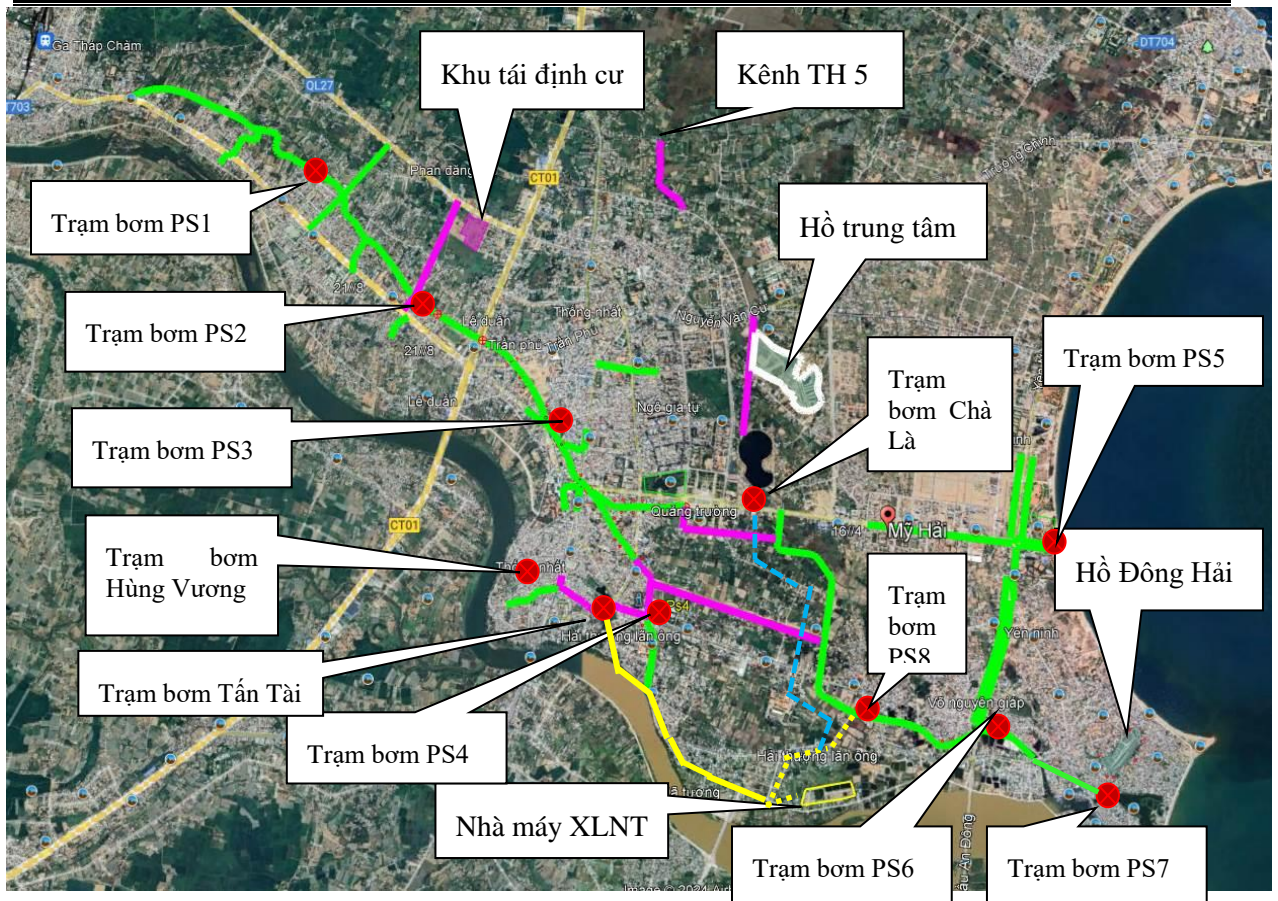
Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm thu gom nước thải và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để xử lý.

Hệ thống thoát nước chung của thành phố thu gom nước mưa khu vực và thoát ra biển. Không có hoạt động khai thác, sử dụng nước tại đây.

3.2.3. Mô tả hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải:

a. Hệ thống thoát nước thải tập trung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm thu gom nước thải từ khu vực nội thị và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để xử lý.



Hình 3.3: Phạm vi thu gom nước thải của hệ thống thoát nước thải tập trung

b. Hệ thống thoát nước chung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm.

Hệ thống thoát nước của thành phố Phan Rang -Tháp Chàm hiện hữu là hệ thống thoát nước chung (hệ thống thoát nước hỗn hợp).

Tại khu vực dự án, hệ thống thoát nước chung trên trục đường 16 tháng 4 là hệ thống thoát nước bao gồm cống hộp BxH=3,5x3,4m thoát nước mưa mặt đường.

Hệ thống thoát nước cuối đường 16/4 được BQL dự án giao thông Ninh Thuận đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng từ năm 2000-2002 chủ yếu thu gom nước mưa khu vực đường này rồi xả ra biển tại bãi tắm Bình Sơn. Trong giai đoạn từ 2004-2012 thành phố tiếp tục đầu tư tuyến cống thoát nước tuyến đường 16/4 (đoạn phía Tây vòng xoay) và đường Yên Ninh đoạn phía Bắc, đầu nối vào hệ thống thoát nước này tại vòng xoay đường 16/4-Yên Ninh.

Cuối năm 2015 thành phố đã cho đầu tư việc nạo vét, khơi thông hố ga thu nước, xây dựng giếng tự thấm, lắng 3 ngăn có dung tích khoảng 4m³ để giảm mùi hôi tại vị trí tiếp giáp cửa xả và trong khu B gần đường 16/4. Đồng thời thành phố cũng đã cho đầu tư xây dựng 1 tuyến cống D600 Nối từ tuyến cống D600 phía Bắc vào tuyến cống D800 phía Nam đường 16/4 tại ngã tư công viên biển Bình Sơn và xả vào tuyến cống dọc đường Võ Nguyên Giáp rồi thoát về kênh Trà Là.

3.3 Hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án.

Môi trường không khí:

Theo kết quả phân tích hiện trạng môi trường không khí ở khu vực Dự án do Chủ dự án đã kết hợp với Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh tiến hành đo đạc, lấy mẫu 03 lần tại vị trí thuộc khu vực dự án cho thấy kết quả như sau:

- Vị trí lấy mẫu:
Trước cổng dự án.
- Ngày lấy mẫu: 26/04/2024
- Điều kiện lấy mẫu: Trời nắng, gió nhẹ
- Kết quả phân tích như sau:

Bảng 3.3: Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả			QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 27:2010/ BTNMT
			Lần 1	Lần 2	Lần 3			
1	Độ ồn	dBA	62,5	60,8	63,1	≤70	-	-
2	Độ rung	dB	38	41	39	-	-	≤70
3	Bụi	µg/Nm ³	139	135	143	-	300	-
4	NO ₂	µg/Nm ³	64,6	59,9	68,7	-	200	-
5	SO ₂	µg/Nm ³	77,3	70,5	81,0	-	350	-

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh, 2024

- Nhận xét: Qua kết quả phân tích cho thấy thông số tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTMT; thông số độ rung nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTMT; Chất lượng môi trường không khí xung quanh khu vực dự án khá tốt, các thông số đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT.

Môi trường nước mặt:

Theo kết quả phân tích hiện trạng môi trường nước mặt kênh Nhị Phước gần khu vực Dự án do Chủ dự án đã kết hợp với Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh tiến hành đo đạc, lấy mẫu 03 lần tại vị trí thuộc khu vực dự án cho thấy kết quả như sau:

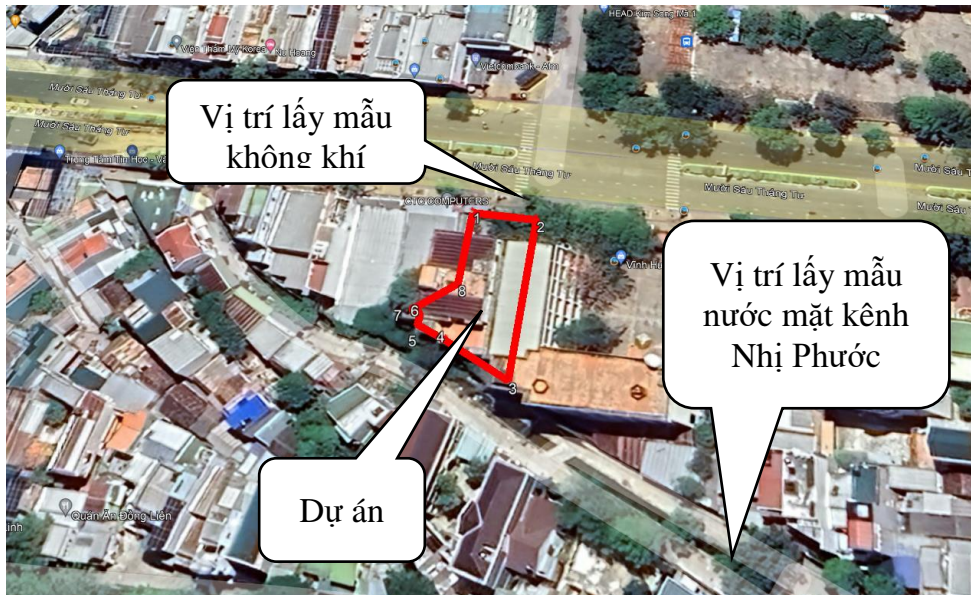
- Vị trí lấy mẫu:
Trước cổng dự án.
- Ngày lấy mẫu: 26/04/2024
- Điều kiện lấy mẫu: Trời nắng, gió nhẹ
- Kết quả phân tích như sau:

Bảng 3.4: Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	NM			QCVN 08:2023/BTN MT (Mức B)
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	pH	-	6,58	6,42	6,67	6,0 – 8,5
2	TSS	mg/L	47	51	49	≤ 100
3	BOD ₅	mg/L	16	18	17	≤ 6
4	COD	mg/L	27	29	28	≤ 15
5	Tổng Photpho	mg/L	0,34	0,41	0,46	≤ 0,3
6	Tổng Nitơ	mg/L	<6,67 ^(a)	<6,67 ^(a)	<6,67 ^(a)	≤ 1,5
7	Coliform	MPN/100mL	3,3x10 ³	3,9x10 ³	3,4x10 ³	≤ 5.000

Nguồn: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh, 2024

- Nhận xét: Qua kết quả phân tích cho thấy thông số đều vượt giới hạn cho phép QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B) quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Nguyên nhân, hiện trạng tại thời điểm lấy mẫu, khu vực đang thi công hệ thống thoát nước thải tập trung của thành phố nên các thông số vượt giới hạn cho phép.



Hình 3.4: Vị trí lấy mẫu hiện trạng nền

CHƯƠNG 4

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.

4.1 Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

4.1.1 Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

(1). Nước thải sinh hoạt

Nguồn tác động đến chất lượng nước trong quá trình xây dựng dự án chủ yếu là do nước thải sinh hoạt của công nhân. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải sinh hoạt gồm: Các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli). Nước thải sinh hoạt chứa các chất hữu cơ dễ phân hủy, các chất cặn bã, các chất dinh dưỡng và vi sinh nên có thể gây ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm nếu không được xử lý.

Lưu lượng nước thải sinh hoạt được tính toán trên cơ sở định mức nước thải và số lượng công nhân. Theo kinh nghiệm thực tế từ các công trình khác đã xây dựng, có thể ước tính mỗi ngày có tối đa 8 công nhân lao động trên công trường và theo TCXDVN 33:2006 bình quân mỗi công nhân sử dụng 45 lít nước/ca (01 ca làm việc tính bằng 8 giờ) thì nhu cầu sử dụng nước là 8 người x 45 lít/người = 0,36 m³/ngày. Như vậy, tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án là khoảng 0,36 m³/ngày (nước thải phát sinh bằng 100% nước cấp).

Theo tính toán thống kê đối với những quốc gia đang phát triển, thì hệ số ô nhiễm do mỗi người hàng ngày đưa vào môi trường (khi nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý) như được trình bày trong bảng dưới đây:

Dựa vào TCVN 7957:2008 – Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài, tiêu chuẩn thiết kế; khối lượng chất gây ô nhiễm do con người thải vào môi trường mỗi ngày trong nước thải sinh hoạt (bao gồm nước rửa chân tay, nước nhà vệ sinh) thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 4.1: Hệ số ô nhiễm do mỗi người hàng ngày sinh hoạt đưa vào môi trường (nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý)

Stt	Chất ô nhiễm	Hệ số (g/người/ngày)
1	BOD5	45 – 54
2	COD (dicromate)	72 – 102
3	Chất rắn lơ lửng	70 – 145
4	Dầu mỡ	10 - 30
5	Tổng Nitơ	6 – 12
6	Amoni	2,4 – 4,8
7	Tổng phospho	0,8 – 4,0
8	Coliform (MPN/100ml)	10 ³ -10 ⁶

Nguồn: Rapid Environmental Assessment, WHO, 1993.

Do thực tế trong quá trình xây dựng công nhân không tắm rửa tại công trường nên khối lượng chất thải sinh ra trong nước thải sinh hoạt của mỗi người chỉ bằng khoảng 50% so với tiêu chuẩn thông thường.

Tham khảo kết quả quan trắc của Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường tại báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Chợ đầu mối Nông Sản Phan Rang”, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được thể hiện như sau:

Bảng 4.2: Nồng độ các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đầu vào

TT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ	QCVN 14:2008/BTNMT cột B, k = 1
1	pH	-	7,2	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	244	50
3	TSS	mg/l	201	100
4	TDS	mg/l	550	1000
5	Sunfua	mg/l	0,8	4,0
6	Amoni	mg/l	32,5	10
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	0,5	20
8	PO ₄ ³⁻	mg/l	6,5	10
9	Coliform	MPN/100ml	1,1x10⁴	5.000

Nguồn: báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Chợ đầu mối Nông Sản Phan Rang”

Nhận xét: Qua kết quả tham khảo cho thấy các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt vượt quy chuẩn quy định QCVN 14:2008/BTNMT (cột B). Chủ dự án sẽ có biện pháp thu gom và xử lý triệt để nguồn thải này.

Đánh giá tác động: Nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý sẽ làm gia tăng độ đục, gia tăng chất hữu cơ đến nguồn nước tiếp nhận, dẫn đến giảm DO nguồn nước tiếp nhận, tăng chỉ số ô nhiễm BOD₅, COD, Tổng Coliform trong nguồn nước tiếp nhận.

Nhận xét: So sánh với tiêu chuẩn nước thải đầu vào cho thấy rằng, khi nước thải chưa qua xử lý thì các chỉ tiêu ô nhiễm đều vượt quy chuẩn cho phép.

Biện pháp giảm thiểu

Ưu tiên sử dụng lao động địa phương (chỉ làm việc 8h trên công trường, chủ yếu sinh hoạt tắm rửa ở nhà) nhằm giảm mức phát thải nước thải sinh hoạt.

Công ty sẽ sử dụng nhà vệ sinh cửa hàng Kim Song Mã bên cạnh để thu gom nước thải sinh hoạt.

(2). Nước thải thi công

Chủ yếu là nước xả thừa trong quá trình trộn bê tông, nước xả bảo dưỡng bê tông. Lưu lượng hàng ngày tương đối ít, 3-5 lít/ngày, không chứa các thành phần gây tác động xấu tới môi trường nước nên không gây tác động xấu tới môi trường. Đặc trưng của loại nước thải này là chứa nhiều cặn lơ lửng, các thông số ô nhiễm khác như BOD₅, COD thấp, dầu mỡ cao. Nước thải thi công nếu không được thu gom, lắng đọng trước khi thải ra hệ thống thoát nước thì lượng cặn bần sẽ làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước.. Tuy nhiên, nước thải xây dựng hầu hết ngấm vào vật liệu xây dựng và chỉ có tác động tạm thời, do đó mức độ ảnh hưởng là không đáng kể.

Biện pháp giảm thiểu

- Nước thải xây dựng trong giai đoạn này chủ yếu là nước từ hoạt động rửa cốt liệu, nước rò rỉ từ quá trình trộn bê tông thủ công có khối lượng nhỏ, thành phần chủ yếu là chất lơ lửng không chứa thành phần độc hại nên để lắng bùn cát sau tự chảy ra bên ngoài.

Đối với dầu mỡ thải và nước rửa xe, máy thi công: việc sửa chữa bảo dưỡng sửa chữa ở garage xe hiện có tại địa phương nhằm quản lý tốt nhất nguồn chất thải này.

(3). Nước mưa chảy tràn

- Thành phần: Vào mùa mưa, nước mưa chảy tràn có thể cuốn theo các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, đất và cát.

Lượng mưa trong toàn bộ khu vực dự án là khá lớn. Tuy nhiên lượng mưa chỉ tập trung vào mùa mưa. Trong quá trình xây dựng, nước mưa tại khu vực sẽ cuốn theo nhiều chất ô nhiễm như bụi, cát, đất đá, lượng dầu mỡ rơi vãi,... Về cơ bản, nước mưa được quy ước là nước sạch, nếu không chảy tràn qua các khu vực ô nhiễm.

Tuy nhiên, hoạt động thi công xây dựng dự án chủ yếu cải tạo sửa chữa lại tòa nhà cũ, nước mưa chảy tràn được thoát bằng hệ thống thoát nước mưa có sẵn của dự án.

Biện pháp giảm thiểu

- Bố trí bãi tập kết, kho tập kết nguyên vật liệu trong khu vực có mái che chắn.
- Không thay dầu mỡ, sửa chữa máy móc, thiết bị thi công tại công trường.
- Dọn sạch mặt bằng thi công vào cuối ngày làm việc.
- Hạn chế thi công, vận chuyển nguyên vật liệu vào ngày mưa.

Định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước mưa với tần suất 1 tháng/lần.

4.1.2 Về công trình , biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

(1) CTR sinh hoạt

Trong quá trình triển khai xây dựng Dự án sẽ phát sinh chất thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân (chất hữu cơ, giấy vụn các loại, nylon,...).

Lượng công nhân làm việc trên công trường trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án lớn nhất khoảng 8 CBCNV/ngày. Định mức rác thải là 0,8 kg/người/ngày, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh là: $8 \times 0,8 = 6,4$ kg/ngày.

Căn cứ vào quá trình thi công các Dự án tương tự, ước tính thành phần và khối lượng các loại CTR sinh hoạt như sau:

Bảng 4.3: Thành phần đặc trưng và khối lượng của rác thải sinh hoạt

Thành phần	Mô tả	Khối lượng	
		%	Kg
Chất thải có thể phân hủy sinh học	Rác hoa quả	50	3,2
	Thức ăn thừa		
Chất thải có	Kim loại	40	2,56

Thành phần	Mô tả	Khối lượng	
		%	Kg
thể tái sinh, tái sử dụng	Thủy tinh		
	Nhựa có thể tái sinh		
	Giấy có thể tái sinh		
Chất thải tổng hợp	Giấy không thể tái sinh	10	0,64
	Nhựa không thể tái sinh		
	Khác		
Tổng		100	6,4

(Nguồn: Báo cáo ĐTM Dự án “Chợ đầu mối nông sản Phan Rang” tại phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)

Rác thải sinh hoạt nếu không được thu gom hợp vệ sinh sẽ phân hủy tạo mùi hôi, gây ô nhiễm môi trường làm việc tại khu vực Dự án, tạo điều kiện để các loại côn trùng gây bệnh (ruồi, muỗi) phát triển, lây lan dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân; nước rỉ rác phát sinh ngấm vào đất gây ô nhiễm môi trường đất và nguồn nước ngầm.

Đối với chất thải phát sinh, Chủ dự án sẽ đưa ra các biện pháp giảm thiểu và thực hiện trong quá trình thi công Dự án, đảm bảo môi trường làm việc cho CBCNV, cũng như môi trường xung quanh không bị ảnh hưởng.

Biện pháp giảm thiểu

- Lập nội quy công trường yêu cầu công nhân không xả rác bừa bãi.

- Tất cả rác sinh hoạt sẽ được gom vào thùng đặt tại nơi quy định, bố trí 02 thùng rác dung tích 20 lít/thùng đặt tại khu vực xây dựng dự án để thu gom rác thải. Sau đó, hàng ngày Công ty sẽ chuyển giao rác thải cho đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

(2) CTR xây dựng

Chủ dự án sẽ sửa chữa, bố trí lại các phòng tại tầng trệt, tầng 1; giữ nguyên kết cấu các phòng tầng 2, tầng 3, tầng mái và sơn mới lại toàn bộ công trình. Khối lượng xà bần phát sinh chủ yếu từ các hạng mục được phá dỡ từ công trình cũ bao gồm: 3 phòng với diện tích 15,5 m²/phòng; 1 phòng diện tích 44 m²; 1 phòng diện tích 28,3 m²; 1 nhà vệ sinh diện tích 5,3 m²; 1 nhà vệ sinh diện tích 2,4 m²; 1 văn phòng cũ diện tích 17,6 m², 1 khu nhà vệ sinh chung diện tích 23 m²; 2 văn phòng cũ diện tích 33 m²/phòng; 2 văn phòng cũ diện tích 19,8 m²/phòng.

(cụ thể chi tiết đã thể hiện ở mục 1.5.3, chương 1)

Bảng 4.4: Bảng thống kê khối lượng xà bần phát sinh đối với từng hạng mục tháo dỡ

STT	Hạng mục phá dỡ	Số lượng	Chiều dài căn phòng (m)	Chiều rộng căn phòng (m)	Chiều cao căn phòng (m)	Số vách tường bị phá dỡ	Bề dày tường (m)	Khối lượng riêng của gạch (tấn/m ³)	Khối lượng xà bần phát sinh
1	Văn phòng diện tích 15,5 m ²	3	5,05	3,065	3	1	0,15	1,5	4,1
2	Văn phòng diện tích 44 m ²	1	11,06	3,98	3	1	0,15	1,5	2,5
3	Văn phòng diện tích 28,3 m ²	1	7,56	3,75	3	1	0,15	1,5	1,9
4	nhà vệ sinh diện tích 5,3 m ²	1	3,065	1,73	3	2	0,15	1,5	1,6
5	nhà vệ sinh diện tích 2,4 m ²	1	1,59	1,5	3	2	0,15	1,5	1,0
6	văn phòng diện tích 17,6 m ²	1	4,55	3,86	3	2	0,15	1,5	2,8
7	nhà vệ sinh diện tích 23 m ²	1	7,3	3,2	3	2	0,15	1,5	3,5
8	văn phòng diện tích 33 m ²	2	7,3	4,6	3	2	0,15	1,5	8,0
9	văn phòng diện tích 19,8 m ²	2	6,2	3,2	3	3	0,15	1,5	9,5
Tổng									35,1

Khối lượng xà bần phát sinh khoảng 35,1 tấn.

Biện pháp giảm thiểu

Lượng xà bần phát sinh không lớn, chủ dự án sẽ tái sử dụng xà bần để san nền trong khuôn viên dự án.

(3) CTNH

Trong giai đoạn này, Dự án thực hiện các hạng mục đơn giản và thời gian xây dựng ngắn và chủ yếu thực hiện theo phương pháp thủ công. Do đó, trong giai đoạn xây dựng phát sinh chất thải nguy hại không đáng kể, chủ yếu là giẻ lau dính dầu.

Biện pháp giảm thiểu

Chủ dự án sẽ thu gom CTNH tập trung về kho chất thải nguy hại của dự án.

4.1.3 Về công trình xử lý bụi, khí thải

Các hoạt động trong giai đoạn thi công chủ yếu thực hiện bằng biện pháp thủ công. Cải tạo lại khối công trình kiến trúc cũ, cụ thể, sửa chữa, bố trí lại các phòng tại tầng trệt và tầng 1, xây mới một số hạng mục; giữ nguyên các hạng mục ở các tầng còn lại.

Bụi, khí thải và tiếng ồn chủ yếu phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và thi công xây dựng hạ tầng. Lượng bụi và khí thải phát sinh trong giai đoạn này diễn ra trong thời gian ngắn, phạm vi hẹp tại các vị trí thi công vì vậy các tác động được đánh giá ở mức trung bình, có thể giảm thiểu được.

Các chất gây ô nhiễm chủ yếu là bụi; khí thải từ động cơ chứa CO, SOx, NOx, VOC (chất hữu cơ bay hơi).

(1). Bụi phát sinh do hoạt động thi công dự án:

- Bụi trong quá trình xây dựng:

Bụi từ trong quá trình xây dựng thường là bụi xi măng. Bụi xi măng có kích thước nằm trong khoảng từ 1,5 - 100 μm và những hạt bụi có kích thước nhỏ hơn 3 μm tác hại đối với đường hô hấp. Khi thi công nếu không có biện pháp che chắn thì bụi sẽ phát tán và gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh dự án.

Bụi còn phát sinh trong quá trình cắt gạch men để ốp nền, tường; phát sinh từ hoạt động chà nhám tường, sơn nhà. Đối với hoạt động chà nhám tường: Lượng bụi này phát sinh cục bộ trong nhà, lượng bụi này chủ yếu có đường kính lớn hơn 10 μm . Lượng bụi này phát tán xung quanh vị trí chà nhám. Do đó, nó ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân lao động.

Đánh giá tác động: Bụi phát sinh trong quá trình xây dựng tương đối thấp và chỉ mang tính chất tạm thời, không tác động lâu dài, sẽ giảm tối đa khi kết thúc thời gian thi công xây dựng dự án. Tuy nhiên bụi nguồn này lại tác động trực tiếp đến công nhân, có tác hại đối với đường hô hấp. Chúng tôi sẽ có những biện pháp giảm thiểu để hạn chế nguồn gây tác động này.

(2). Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng .

Bụi phát sinh từ các thiết bị vận chuyển chủ yếu là ô tô tải trong quá trình vận chuyển cuốn theo đất đá gây bụi... Các loại bụi và khí này thường là: bụi, CO, NO₂, SO₂...

Bảng 4.5: Nhu cầu về nguyên vật liệu trong quá trình thi công xây dựng (dự kiến)

STT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Khối lượng (Tấn/m ³)	Nguồn cung cấp
1	Cát xây, tô	m ³	50	70	Mỏ cát dọc Sông Dinh
2	Đá chẻ 20x20x25	m ³	15	22,5	Mỏ đá Đèo Cậu
3	Đá 1 x 2	m ³	30	46,5	
4	Đá 4 x 6	m ³	20	31	
5	Đinh các loại	Kg	200	0,2	Nguồn cung cấp tại

6	Que hàn	Hộp	10	0,25	thị trường Phan Rang
7	Thép	kg	500	0,5	
8	Xi măng PC 30	tấn	5	5	
9	Gạch đặc	Viên	10.000	10	
Tổng cộng				186	

Nguồn: Công ty TNHH Kim Song Mã, 2024

Trong quá trình thi công xây dựng, khối lượng nguyên vật liệu cần vận chuyển là: 186 tấn, vận chuyển bằng xe ô tô tự đổ 10 tấn. Thời gian vận chuyển các khối lượng vật liệu được rải rác trong quá trình xây dựng nên tác động bụi gây ra từ xe vận chuyển tương đối ít.

(3) Hoạt động bốc dỡ nguyên vật liệu trong quá trình xây dựng

Bụi sinh ra do quá trình bốc dỡ chủ yếu từ các loại vật liệu xây dựng: xi măng, cát và đá. Dự án sử dụng xe có tải trọng là 10 tấn (khoảng 7 m³), thời gian trung bình là 30 phút/lần bốc dỡ. Theo đánh giá nhanh của tổ chức Y tế thế giới thì hệ số phát thải bụi do quá trình bốc dỡ vật liệu xây dựng (xi măng, đất, cát, đá...), máy móc, thiết bị là 0,1 - 1 g/m³ (Theo WHO). Vậy, lượng bụi phát sinh từ mỗi lần bốc dỡ này là: 7 g, lượng bụi phát sinh trong quá trình bốc dỡ là 7 g/30 phút = 7 g/1800 s = 0,0039 g/s.

Đánh giá tác động: Tải lượng bụi phát sinh trong quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu khoảng 0,0039 g/s là không đáng kể. Mức độ tác động thấp vì hoạt động này diễn ra không liên tục, thời gian diễn ra ngắn và số lượng người bị tác động ít (số người bốc xếp).

(4) Bụi, khí thải của các loại động cơ và máy móc xây dựng

- Khí thải từ công đoạn cắt, hàn kim loại:

+ Thành phần chủ yếu là bụi, SO_x, CO, NO_x

+ Tải lượng ô nhiễm:

Bảng 4.6: Tỷ lệ các chất ô nhiễm trong quá trình hàn điện kim loại

TT	Chất ô nhiễm	Đường kính que hàn (mm)				
		2,5	3,25	4	5	6
1	Bụi kim loại (mg/que hàn)	28	50	70	110	158
2	Khí SO _x (mg/que hàn)	32	54	100	154	240
3	Khí CO (mg/que hàn)	10	15	25	35	50
4	Khí NO _x (mg/que hàn)	12	20	30	45	70

Nguồn: Cơ quan Bảo vệ môi trường Mỹ (US-EPA) năm 2001

Theo nhiều kết quả nghiên cứu khác nhau, trung bình sử dụng các mối hàn trong xây dựng cơ bản ở các khu nhà, công trình công cộng, khối lượng que hàn được tính trên 1 m² sàn là 0,25 que. Tuy nhiên, hoạt động thi công chủ yếu cải tạo công trình cũ. Như vậy, khối lượng que hàn ước tính sẽ ít hơn so với việc xây dựng khối công trình mới 50%, dự kiến khoảng: 1.470 m² x 0,25 que/m² x 50% = 183 que hàn.

Thông thường các dự án như này sử dụng que hàn có đường kính 4 mm, như vậy tải lượng các chất ô nhiễm trong khói hàn được trình bày tại bảng dưới đây

Bảng 4.7: Dự báo tải lượng khí thải trong công tác hàn thi công

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng ô nhiễm $Q = N * E/106$ (kg)	Tải lượng quy đổi (Kg/ngày)
1	Bụi kim loại	1,13	0,0017
2	Khí SOx	0,19	0,0002
3	Khí CO	0,05	0,0001
4	Khí NOx	0,06	0,00009

Ghi chú: E: Tỷ lệ các chất ô nhiễm tại bảng 3.13, N: tổng số que hàn.

+ Đánh giá tác động: Qua tính toán cho thấy, tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ các que hàn không lớn, phạm vi ảnh hưởng hẹp, chủ yếu tác động tới người trực tiếp làm việc, mức độ tác động không đáng kể nếu tuân thủ nghiêm ngặt công tác bảo hộ an toàn trong lao động.

Biện pháp giảm thiểu

Giảm thiểu bụi phát sinh do hoạt động phá dỡ công trình cũ, san nền công trình

- Thực hiện che chắn công trình bằng tole, lưới trong quá trình thi công xây dựng để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Dùng vòi xịt thường xuyên phun nước tạo độ ẩm trên toàn bộ bề mặt thi công, mặt đường, vỉa hè trước công dự án. Tần suất phun tối thiểu 02 lần/ngày với định mức phun 0,5 lít/m².

- Thường xuyên quét dọn khu vực bốc dỡ nguyên vật liệu.

- Lập kế hoạch thi công và bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chông chéo giữa các công đoạn thi công: thi công những ngày nắng ráo tránh ngập úng xung quanh khu vực do nước mưa.

- Lựa chọn thời gian bốc dỡ nguyên vật liệu phù hợp, ví dụ vào buổi sáng,...

Giảm thiểu bụi phát sinh do quá trình vận chuyển vật liệu.

- Bố trí kế hoạch thi công hợp lý, khoa học: điều phối xe tải và các máy móc thi công không hoạt động cùng một thời điểm và cùng một vị trí, thi công đến đâu tập kết nguyên vật liệu đến đấy, tránh tập kết cùng lúc.

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu là các thiết bị được kiểm định chất lượng và cho phép lưu hành của cơ quan chức năng.

- Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật để khả năng phát sinh chất thải ít nhất.

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các phương tiện và máy móc thi công tại các gara.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong công trường.

Giảm thiểu bụi phát sinh do quá trình hàn cắt kim loại

- Tất cả những công nhân thi công hàn được đào tạo có chuyên môn theo đúng

quy định trước khi thực hiện thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp tham gia hàn: kính hàn, găng tay, mũ và quần áo bảo hộ lao động. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân dùng cho thợ hàn phải đảm bảo chống tia lửa, chống lại được tác động cơ học, bụi kim loại nóng và những bức xạ có hại.

- Yêu cầu công nhân hàn chấp hành đúng nội quy công trường an toàn lao động.

- Sử dụng các loại que hàn theo đúng quy định và mục đích sử dụng

4.1.4 Về công trình, biện pháp giảm thiểu không liên quan đến chất thải

a. Tiếng ồn

- *Nguồn phát sinh:* Hoạt động xây dựng tại dự án bằng thủ công nên mức ồn gây ra không đáng kể, chủ yếu là tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện vận tải vật liệu xây dựng.

- *Độ ồn:*

Kết quả dự báo tiếng ồn trên cơ sở lý thuyết:

Tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện vận tải được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 4.8: Mức ồn điển hình của các thiết bị, phương tiện thi công

Stt	Thiết bị	Mức ồn (dBA), cách nguồn 15m	
		Tài liệu (1)	Tài liệu (2)
1	Xe tải		82,0 - 94,0

(Nguồn: Tài liệu (1): Nguyễn Đình Tuấn và cộng sự, 2000; Tài liệu (2): Mackernize, L.da.1985); (*): Nguyễn Hải, Âm học và kiểm tra tiếng ồn, Nhà xuất bản giáo dục 1997).

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn tại dự án này, chúng tôi sử dụng công thức Mackernize, 1985 để tính toán mức ồn theo các khoảng cách khác nhau tính từ nguồn.

$$L_p(X) = L_p(X_0) + 20\lg(X_0/X) \quad (1)$$

Trong đó:

$L_p(X_0)$: Mức ồn cách nguồn ồn 15 m (dBA);

X_0 : 15 m.

$L_p(X)$: Mức ồn tại vị trí cần tính toán (dBA).

$X(m)$: Vị trí cần tính toán.

Chúng tôi tính toán được tiếng ồn dự báo cho từng loại thiết bị tại các vị trí khác nhau cho khu vực Dự án như sau:

Bảng 4.9: Kết quả tính toán và dự báo độ ồn cho khu vực dự án.

Stt	Loại máy móc	Mức ồn (dBA) ứng với khoảng cách (m)									
		TB 15	20	40	60	80	100	120	140	150	270
1	Xe tải	88	85,5	79,5	76,0	73,5	71,52	69,94	68,6	68	-
QCVN 26:2010/BTNMT: Tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư: 70 dBA (6 - 21h)											

Đối tượng bị tác động: Sức khỏe đời sống của người lao động tại khu vực dự án, các hộ dân sống gần khu vực Dự án.

Mức ồn cao nhất khoảng 88,0 dBA với khoảng cách 15m.

Nếu cách vị trí đặt thiết bị 100 m, mức ồn này sẽ giảm xuống còn 71,52 dBA; cách vị trí đặt thiết bị 120 m, mức ồn này sẽ giảm xuống còn 69,94 dBA.

Độ rung

- Nguồn tác động: phát sinh hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.
- Quy mô và tính chất nguồn phát sinh:

Bảng 4.10: Mức độ gây rung của một số loại máy móc xây dựng

STT	Thiết bị thi công	Mức rung động(dB) theo phương thẳng đứng		
		Cách nguồn rung động 10 m	Cách nguồn rung động 30 m	Cách nguồn rung động 60 m
1	Xe tải	74	64	54
QCVN 27:2010/BTNMT		75 dB		

(Nguồn: Ủy ban bảo vệ môi trường U.S. Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID, 300.1, 31-12-1971).

Như vậy, ở vị trí cách nguồn rung động 60 m thì độ đều đạt quy chuẩn.

Đánh giá tác động:

Ảnh hưởng của độ rung chủ yếu đến các hộ dân ven đường vận chuyển nhưng không đáng kể vì xe tải chở nguyên vật liệu được rải rác trong quá trình xây dựng và phát sinh trong thời gian ngắn.

Biện pháp giảm thiểu

- Làm việc đúng thời gian quy định 1 ngày/ca và 1 ca/8h.
- Bố trí lao động thích hợp, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại khu vực phát sinh tiếng ồn cao.
- Kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để đặt lịch thi công cho phù hợp và đạt mức ồn cho phép.
- Bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.
- Kê cân bằng máy móc, thiết bị trước khi hoạt động

b. Tác động đến giao thông

Quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, ... làm gia tăng mật độ giao thông trên tuyến đường vận chuyển nên khả năng xảy ra tai nạn giao thông là khá cao nếu các xe vận chuyển không đủ quy cách, chở vượt quá ngưỡng cho phép... Do đó chủ dự án sẽ có các biện pháp quản lý nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc xảy ra tai nạn giao thông.

Biện pháp giảm thiểu

- Nguyên vật liệu phục vụ thi công được tập kết gọn gàng trong phạm vi Dự án, hạn chế lấn chiếm diện tích xung quanh, đặc biệt là tuyến đường giao thông xung quanh Dự án, gây khó khăn cho hoạt động đi lại của người dân, Công ty lân cận.
- Bố trí lịch vận chuyển nguyên vật liệu hợp lý, không tập trung nhiều phương tiện vận chuyển cùng 1 lúc, nhất là trong giờ cao điểm.
- Quy định tốc độ xe ra vào khu vực Dự án dưới 20km/h.

- Xe phục vụ Dự án có đăng kiểm rõ ràng.
- Người lái và điều khiển ô tô, máy thi công phải qua đào tạo có giấy phép lái xe và chứng chỉ quy định.
- Lắp biển báo tại các vị trí cần thiết để cảnh báo khu vực thi công.

4.2 Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành:

4.2.1 Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

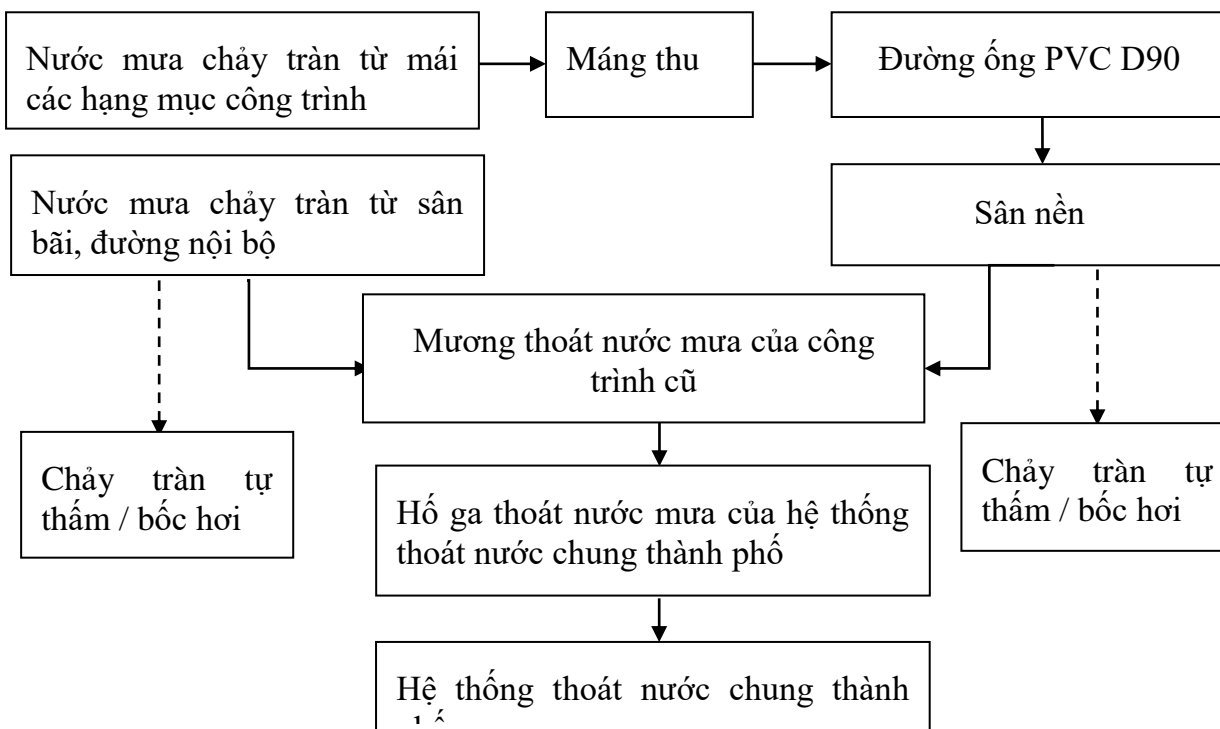
a. Công trình thu gom nước mưa chảy tràn:

- Thành phần: Vào mùa mưa, nước mưa chảy tràn có thể cuốn theo các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng, đất và cát.

Nhìn chung, tác động ô nhiễm do nước mưa chảy tràn là nhỏ. Nước mưa chảy tràn khá sạch, chủ yếu có độ đục do cuốn theo bụi bẩn và có thể kiểm soát được lượng nước này nhờ làm hệ thống thu gom nước mưa nên tác động này là không đáng kể.

Biện pháp giảm thiểu

Nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa chung cũ (hệ thống thu gom nước mưa của trụ sở bảo hiểm cũ) và thoát ra hệ thống thoát nước mưa chung của thành phố.

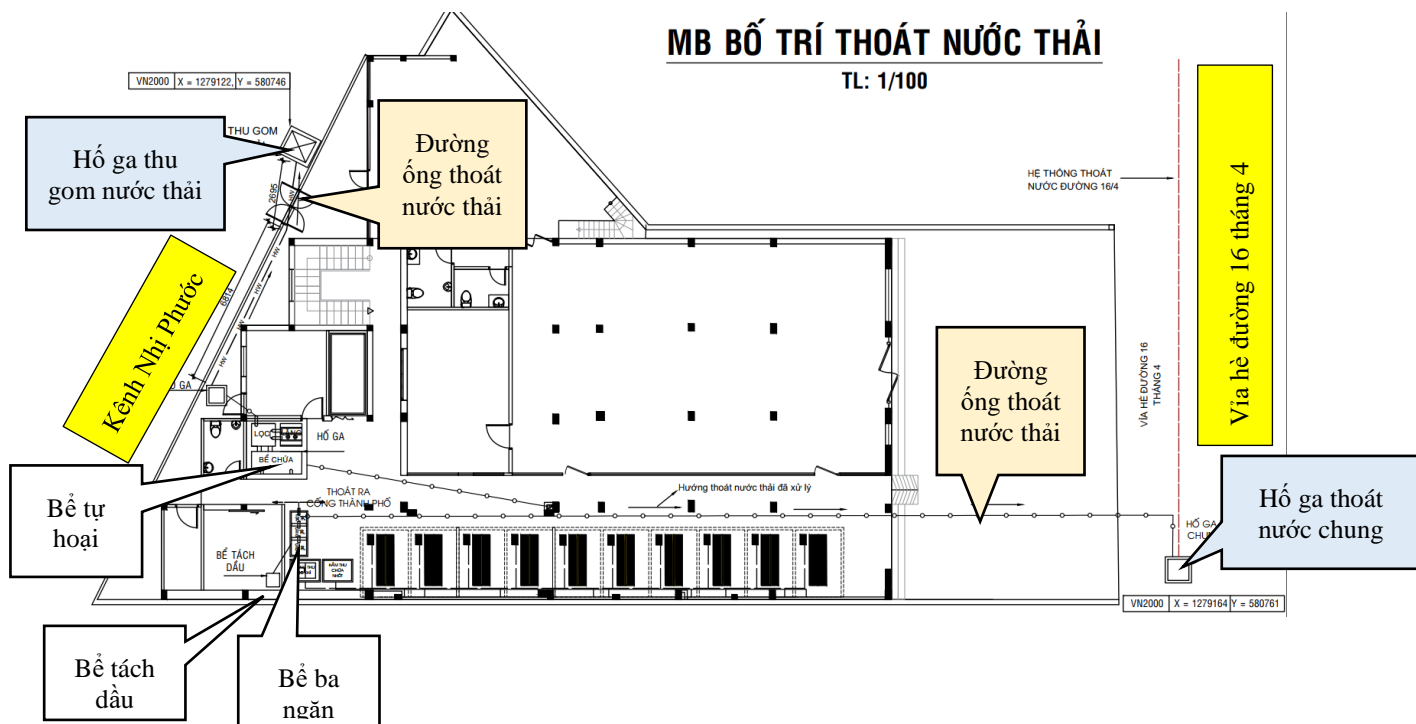


Hình 4.1: Sơ đồ quy trình thu gom nước mưa dự án

b. Công trình thu gom nước thải:

Công ty đã gửi Văn bản số 02/CV-KSM ngày 06/05/2024 của công ty TNHH Kim Song Mã về việc xin ý kiến về đầu nối nước thải đã xử lý của Cửa hàng Bán xe và Dịch vụ do Honda Ủy nhiệm Kim Song Mã 1 đến Ủy ban nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để thỏa thuận đầu nối nước thải sau xử lý vào hố ga trên đê kênh Nhị Phước thuộc hệ thống thoát nước thải tập trung của thành phố Phan Rang – Tháp

Chàm và hồ ga trên trục đường 16 tháng 4 thuộc hệ thống thoát nước chung của thành phố. (Đính kèm phụ lục)



Hình 4.2: Sơ đồ bố trí công trình xử lý nước thải và thoát nước thải

- Nguồn phát sinh (chi tiết tại mục 1.4.2):

- + Nguồn thải 1: nước thải sinh hoạt nhân viên và khách hàng ước tính khoảng 1,36 m³/ngày.
- + Nguồn thải 2: nước thải rửa xe máy ước tính khoảng 1,23 m³/ngày

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống uPVC có đường kính D110; độ dốc 2% về phía ống đứng thoát nước thải đen thu về ngăn chứa bể tự hoại. Nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó được dẫn bằng đường ống uPVC có đường kính D114; độ dốc 0,2% về hố ga có kích thước 0,6x0,6x0,8m được xây bằng gạch đặc trát vữa xi măng ở các thành bên dày 20mm, đáy hố ga đổ lớp bê tông lót chống thấm nước và đầu nối về hệ thống thu gom nước thải tập trung của thành phố và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải chung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để xử lý.

Việc đầu nối nước thải sinh hoạt được thực hiện theo **Hướng dẫn kỹ thuật thực hiện đầu nối thoát nước** của Ban xây dựng năng lực và TH các dự án ODA ngành nước (Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải tiểu dự án thành phố Phan Rang- Tháp Chàm).

“4. CÁC PHƯƠNG ÁN ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC:

Phương án 1: Khuyến nghị áp dụng với các hộ gia đình có cốt đáy ống thoát nước trong nhà cao hơn so với cốt tại vị trí đầu nối của hố ga ngoài nhà đảm bảo được khả năng thoát nước tự chảy. Phương án đầu nối sẽ tiến hành theo các bước:

Bước 1: Phá dỡ nền nhà, công trình tại vị trí đặt hệ thống các bi lắng, bi chứa, bi thấm; đào mương đặt ống thoát nước từ vị trí bi thấm hoặc bi lắng đến hố ga thu nước thải ngoài vỉa hè.

Bước 2: Cải tạo bi thấm/ ngăn thấm trong trường hợp hệ thống thu gom nước thải giữ lại bi thấm/ ngăn thấm (chi tiết cải tạo xem bản vẽ cải tạo hầm tự hoại)

Bước 3: Lắp đặt đường ống thoát nước từ vị trí bể lắng hoặc bể thấm để đấu nối ra hệ thống thoát nước ngoài nhà với độ dốc tối thiểu 0,015%

Bước 4: Tiến hành xây dựng hố ga có kích thước 0,6x0,6x0,8m trong phần đất hộ gia đình để thuận tiện cho đấu nối với hố ga cấp 3 bên ngoài nhà. Hố ga được xây bằng gạch đặc trát vữa xi măng ở các thành bên dày 20mm, đáy hố ga đổ lớp bê tông lót chống thấm nước. Hố ga này các hộ gia đình có thể xây dựng hoặc không xây. Trong trường hợp không xây dựng thì có thể đấu nối thẳng từ đường ống trong nhà ra ngoài hố ga cống cấp 3 bên ngoài.

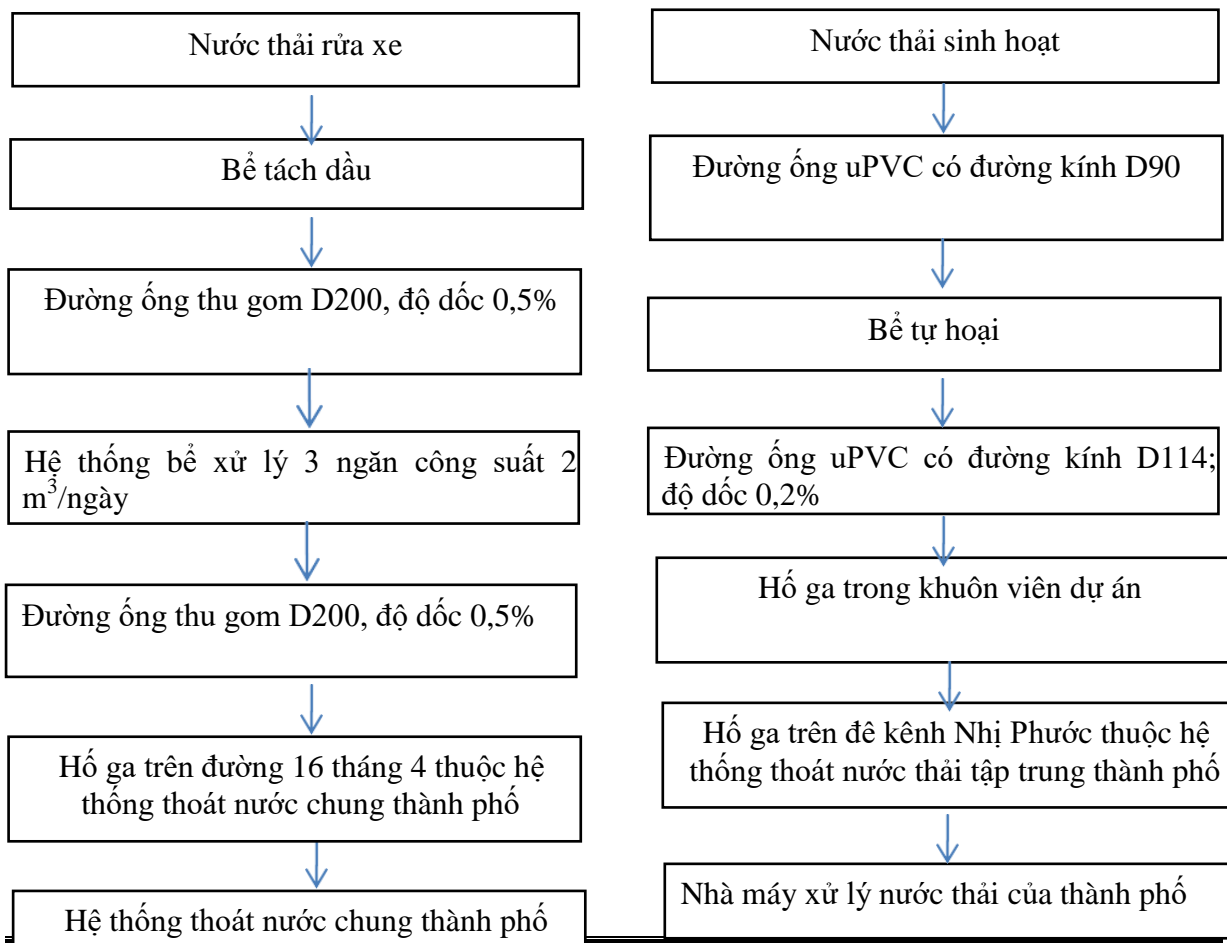
Bước 5: Kiểm tra khả năng thoát nước của các đường ống thoát nước sau khi được lắp đặt đảm bảo khả năng tự chảy của nước thải từ trong nhà ra bên ngoài.

Bước 6: Sau khi tiến hành lắp đặt xong các ống thoát nước sẽ lấp đất và hoàn thiện lại nền nhà.”

Đối với nước thải rửa xe:

- Nước thải từ quá trình rửa xe được thu gom theo đường ống dẫn uPVC D200 chảy về bể tách dầu dung tích 0,5m³ và bể 3 ngăn công suất 2m³/ngày đêm của Cửa hàng để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B được thu gom bằng đường ống dẫn uPVC D200 thoát ra hệ thống thoát nước chung trên trục đường 16 tháng 4.

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải của Dự án như sau:



Hình 4.3: Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải của Dự án

c. Công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Nguồn phát sinh (chi tiết tại mục 1.4.2):

+ Nguồn thải 1: nước thải sinh hoạt nhân viên và khách hàng ước tính khoảng 1,36 m³/ngày.

+ Nguồn thải 2: nước thải rửa xe máy ước tính khoảng 1,23 m³/ngày

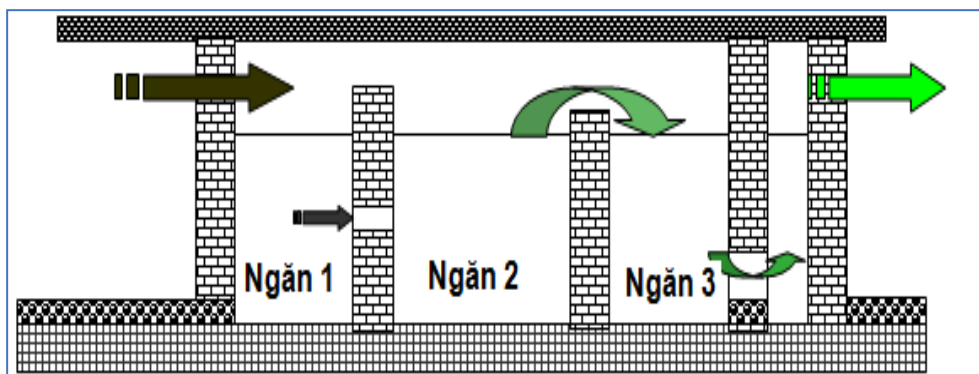
c.1. Nước thải sinh hoạt nhân viên và khách hàng:

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn đặt dưới khu vệ sinh và đầu nối về hệ thống thu gom nước thải chung của thành phố.

Thiết kế bể tự hoại tham khảo bản vẽ đính kèm **Hướng dẫn kỹ thuật thực hiện đầu nối thoát nước** của Ban xây dựng năng lực và TH các dự án ODA ngành nước (Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải tiểu dự án thành phố Phan Rang- Tháp Chàm). (đính kèm bản vẽ bể tự hoại tham khảo tại phụ lục)

1. Bể tự hoại:

Bể tự hoại 3 ngăn có chiều dài 5m, chiều rộng 2,3m, chiều cao 1,95m dung tích 11,73 m³ với kích thước lọt lòng các ngăn như sau: Ngăn 1 (chiều dài 2,75m, chiều rộng 1,9m, chiều cao 1,4m), Ngăn 2 (chiều dài 1,75m, chiều rộng 0,9m, chiều cao 1,4m), Ngăn 3 (chiều dài 1,75m, chiều rộng 0,9m, chiều cao 1,4m).

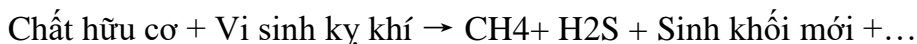


Hình 4.4: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại

Quy trình xử lý:

Bể tự hoại là công trình xử lý nước thải đồng thời thực hiện 2 chức năng: lắng nước thải và lên men cặn lắng.

Nước thải sinh hoạt từ các khu vực nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại gồm ba bể (hoặc 03 ngăn). Tại ngăn chứa 1, các vi sinh vật ở dạng kỵ khí sẽ phân huỷ các chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất vô cơ ở dạng đơn giản và khí biogas (CO, CH₄, H₂S, NH₃...) theo phản ứng sau:



Chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân huỷ nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Nhờ vậy, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật có trong lớp cặn,...nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh. Kết quả của quá trình lên men

cặn là xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ thành các chất đơn giản gồm H₂O, CO₂, CH₄,... Độ ẩm của cặn tươi vào bể và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%.

Sau đó, nước thải được dẫn vào ngăn 2 và ngăn 3 để lắng và giảm nồng độ TSS trong nước thải. Quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh. Dưới tác dụng trọng lượng bản thân các hạt cặn sẽ rơi xuống dưới đáy bể. Và nước sau khi ra khỏi bể sẽ trong. Cặn rơi xuống bể ở đây có các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ nhờ hoạt động của vi sinh vật yếm khí.

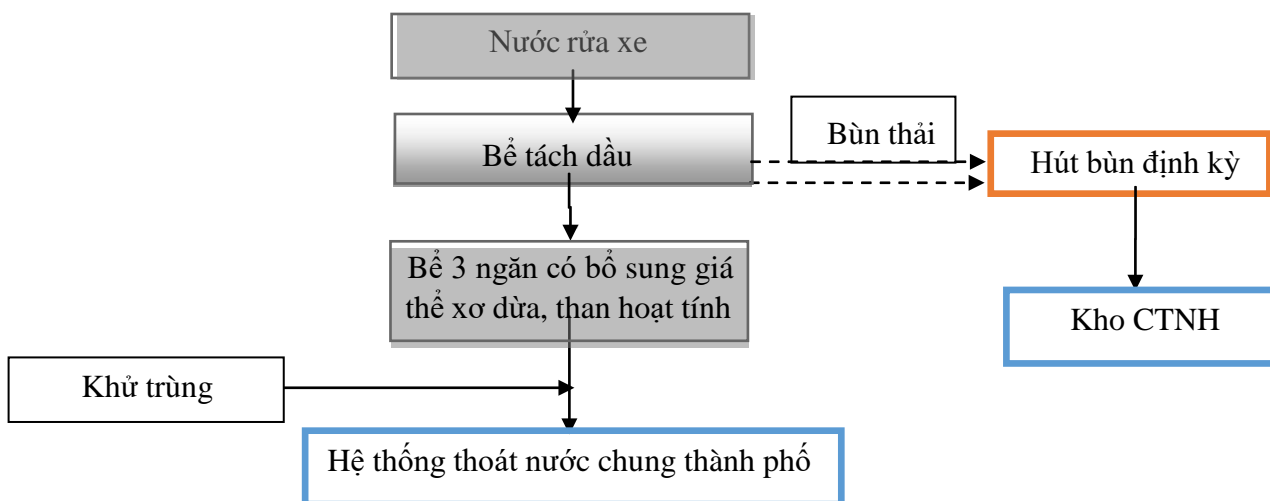
Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại của dự án sẽ đầu nối về hệ thống thu gom nước thải chung của thành phố (cống chung cấp 3) và dẫn về nhà máy xử lý nước thải chung của thành phố Phan Rang – Tháp Chàm để xử lý.

c.2. Nước thải rửa xe máy (từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa):

Nước thải rửa xe máy khoảng 1 m³/ngày.

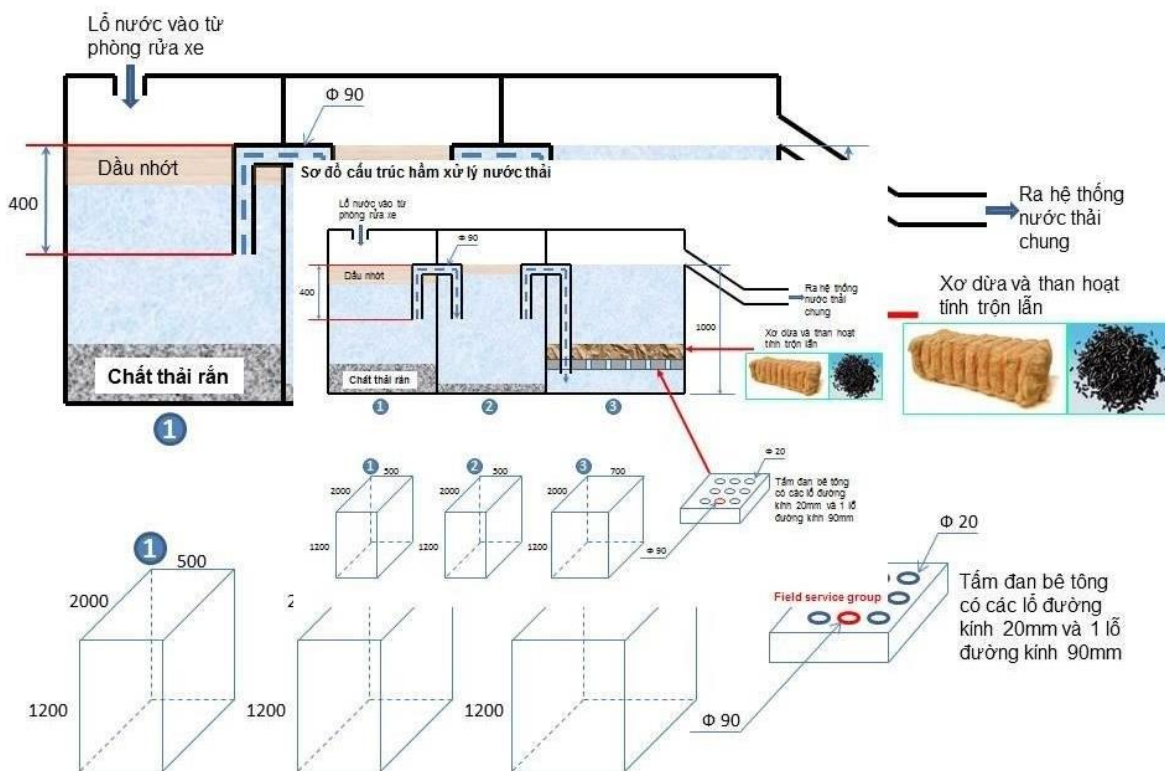
(chi tiết cụ thể tại mục 1.4.2, chương 1).

Nước thải rửa xe máy được thu gom bằng đường ống uPVC D200 và dẫn về hệ thống xử lý bể 3 ngăn công suất 2 m³/ngày đêm để xử lý tiếp đạt tiêu chuẩn sau đó theo đường ống dẫn nhựa uPVC D300, i=0,5% đầu nối vào Hệ thống thoát nước chung thành



Hình 4.5: Sơ đồ xử lý nước thải rửa xe

Hệ thống xử lý nước thải rửa xe bao gồm: bể tách dầu và bể ba ngăn, cụ thể như sau:



Hình 4.6: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải rửa xe

Thuyết minh hệ thống xử lý nước thải rửa xe:

Bể xử lý: Do thành phần của nước thải rửa xe có chứa các cặn bẩn, cặn lơ lửng, dầu mỡ từ quá trình bảo dưỡng, vì vậy lượng nước thải phát sinh sẽ được thu gom và dẫn đến bể tách dầu kết hợp bể xử lý. Bể xử lý có 3 ngăn bao gồm ngăn số 1 - lắng cặn, ngăn số 2 - xử lý kỵ khí và ngăn số 3 – ngăn lọc. Dầu mỡ nổi trên bề mặt sẽ được thu gom và quản lý cùng các CTNH khác của dự án.

Nước sau khi đi qua ngăn số 1 dùng để lắng tách dầu mỡ được chảy sang ngăn số 2, tại đây tiếp tục diễn ra quá trình phân hủy kỵ khí để xử lý lượng chất hữu cơ có trong nước thải, cặn lắng được lắng lại và nước trong được chảy sang ngăn số 3 trước khi thải ra ngoài môi trường.

Tại ngăn số 3 có bố trí tấm đan trên bề mặt có các lỗ kích thước đường kính 20mm. Trên các lỗ có đặt xơ dừa trộn than hoạt tính để hấp thụ dầu mỡ còn lại trong nước thải. Ngoài ra xơ dừa còn đóng vai trò như giá thể giúp vinh sinh vật có thể bám dính, phát triển nhằm tăng hiệu quả xử lý nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

Nước sau khi đi qua Dung dịch NaOCl được châm trực tiếp vào đường ống dẫn nước để khử trùng nước thải.

Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải rửa xe của Cửa hàng đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B được thoát ra Hệ thống thoát nước chung thành phố.

Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

Thông số thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty cụ thể như sau:

Bảng 4.11: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật	Đơn vị
1	BỂ tự hoại		
	Số lượng bể chọn	1,00	bể
	Kích thước của bể:		
	Dài	2,1	m
	Rộng	2,1	m
	Chiều cao	1,2	m
2	BỂ tách dầu		
	Số lượng bể chọn	1,00	bể
	Kích thước bể:		
	Dài	1,0	m
	Rộng	1,0	m
	Chiều cao	0,5	m
3	BỂ xử lý		
	Số lượng bể chọn	1,00	bể
	Kích thước bể:		
	Dài	2,0	m
	Rộng	0,7	m
	Chiều cao	1,5	m

- Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học dùng cho xử lý nước thải của dự án

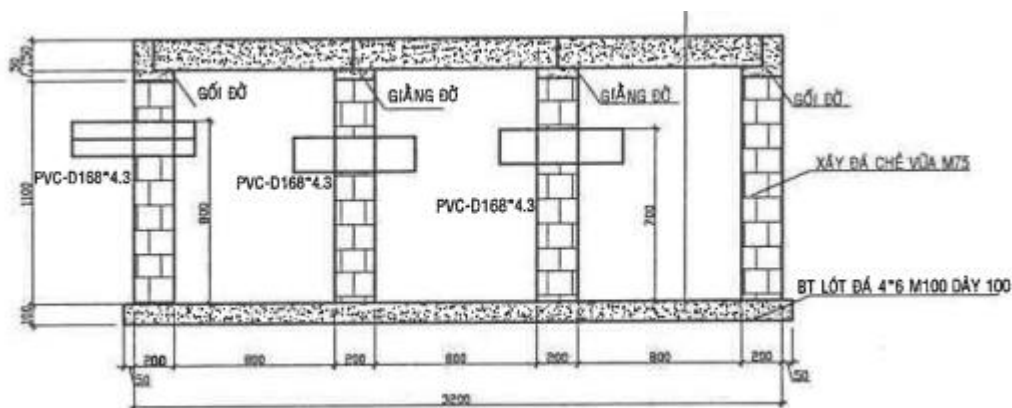
Bảng 4.12: Danh mục các loại hóa chất và chế phẩm sinh học sử dụng trong quá trình vận hành bể xử lý

TT	Hóa chất sử dụng	Đơn vị	Khối lượng sử dụng
1	Ri mật nuôi vi sinh	Kg/tháng	2
2	Methanol	Kg/tháng	2
3	Javen	Lít/tháng	3

Nguồn : Công ty TNHH Kim Song Mã

*** Hiệu suất xử lý của hệ thống:**

Tham khảo mẫu kết quả quan trắc nước thải nhiễm dầu sau xử lý bằng bể thu gom dầu 3 ngăn của các cửa hàng xăng dầu với thiết kế bể 3 ngăn.



Hình 4.7: Tham khảo Bản vẽ bể thu dầu mặt

Bể thu dầu mặt hoạt động dựa vào nguyên tắc trọng lực cái gì nhẹ hơn nước thì nổi ở trên bề mặt nước. Cụ thể bể thu dầu mặt bậc hoạt động chia làm 2 giai đoạn với thiết kế 3 ngăn như sau: Nước có nhiễm dầu được dẫn vào bể ngăn thứ nhất. Tại đây sẽ diễn ra quá trình phân hóa rõ ràng, phần nhẹ hơn là dầu sẽ bắt đầu tách ra và nổi trên mặt nước. Phần dầu nổi phía trên được thu gom bởi vợt vớt thủ công. Tương tự như tại ngăn 2 và ngăn 3.

Bảng 4.13: Bảng kết quả quan trắc nước thải sau xử lý của các cửa hàng xăng dầu

TT	Tên điểm quan trắc	Ngày lấy mẫu	QCVN 29:2010/BTNMT			
			5,5-9	150	120	30
			pH	COD (mg/l)	TSS (mg/l)	Dầu mỡ khoáng (mg/l)
1	Petrolimex – Cửa hàng 212	16/12/2023	6,8	12,2	10	1,1
2	Petrolimex – Cửa hàng 212	16/12/2023	6,9	6,1	10	1,1

Nguồn: Kết quả quan trắc các cửa hàng chi nhánh Petrolimex

Nhận xét:

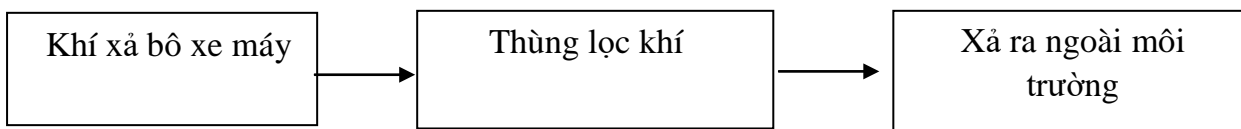
Thiết kế bể ba ngăn có công dụng tương tự tuy nhiên tại dự án sẽ có cải tiến hơn về thiết kế cụ thể sẽ bố trí thêm 1 bể tách dầu. Đồng thời với bể ba ngăn tại ngăn lọc bố trí tấm đan trên bề mặt có các lỗ kích thước đường kính 20mm. Trên các lỗ có đặt xơ dừa trộn than hoạt tính để hấp thụ dầu mỡ còn lại trong nước thải. Ngoài ra xơ dừa còn đóng vai trò như giá thể giúp vinh sinh vật có thể bám dính, phát triển nhằm tăng hiệu quả xử lý nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường. Do đó, với thiết kế hệ thống xử lý nước thải rửa xe tại dự án đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B.

4.2.2 Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

* Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất bảo dưỡng sửa chữa xe:

- Quá trình sửa chữa, bảo dưỡng xe có phát sinh khí thải trong quá trình chạy thử xe để kiểm tra quá trình hoạt động của động cơ, máy. Quá trình này diễn ra không liên tục, lượng phát sinh là không đáng kể, ít gây ảnh hưởng đến môi trường và con người, tuy nhiên gây tác động tại chỗ đến nhân viên sửa chữa, bảo dưỡng.

Do đó khí xả ra được Cơ sở thu lại bằng phương pháp sau:



Hình 4.8: Quy trình xử lý khí xả bộ xe máy

Mô tả quá trình thu và xử lý khí thải: khí thải ống bộ xe máy được đi qua ống hút khí xả có lắp mô tơ nhằm hút được hết lượng khí có trong bộ xe khi xe khởi động. Theo đó khí thải xả ra trong quá trình nổ máy được hút hết đi theo đường ống sang thùng lọc khí, tại đây có đặt màng lọc nhằm hấp thụ các chất ô nhiễm, bụi trong ống xả thải ra.

Lượng khí thải sau khi được hấp thụ bởi màng lọc sẽ đi theo đường ống dẫn và thải ra ngoài môi trường.

Công suất thùng lọc khí: 1 HP – 0,75 kW.

Lưu lượng khí thải xử lý: 500lit/min (tương đương 30 m³/giờ)

Kích thước thiết kế của hệ thống thu khí xả được thống kê trong bảng sau:

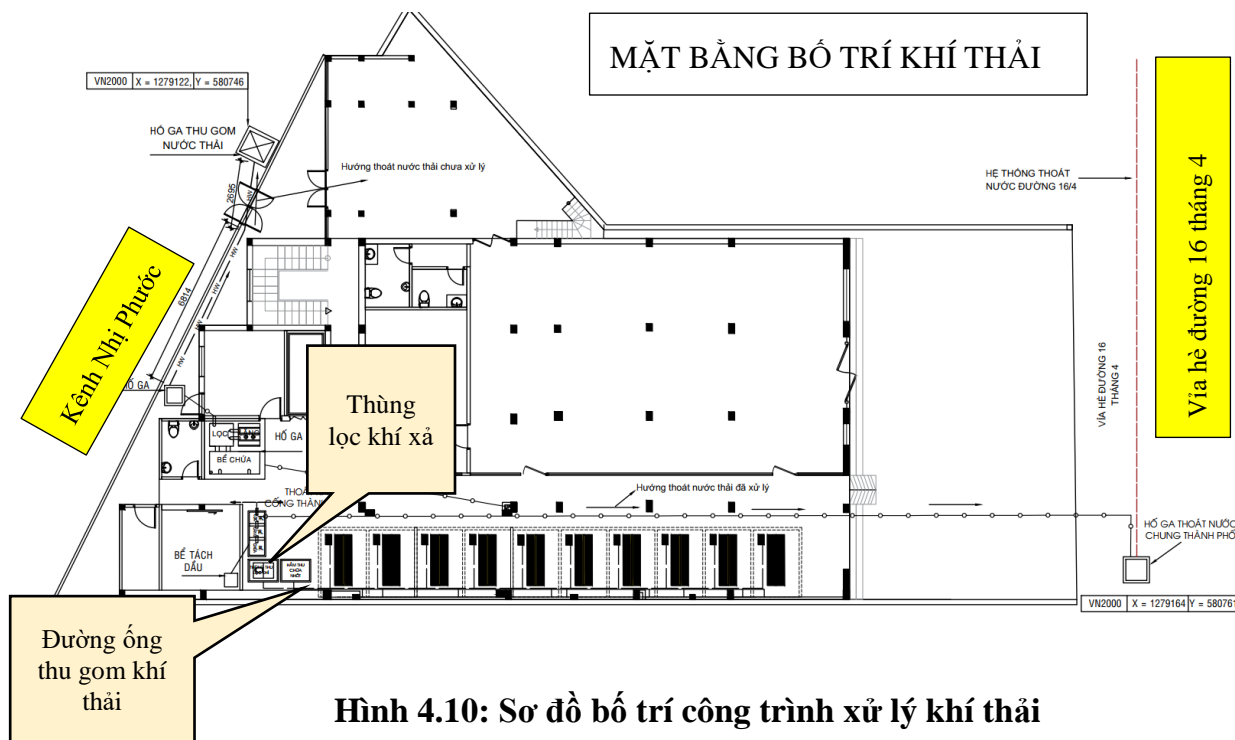
Bảng 4.14: Thông số kỹ thuật hệ thống thu khí xả

STT	Hạng mục	Kích thước(mm)
1	Hố đặt mô tơ hút khí xả	500x600x600
2	Hố đặt thùng lọc khí xả	1200x600x600
3	Ống xả cố định	Ø90

Tham khảo ống hút và thùng lọc khí xả của cửa hàng Kim Song Mã khác:



Hình 4.9: Tham khảo ống hút và thùng lọc khí xả của cửa hàng Kim Song Mã khác



Hình 4.10: Sơ đồ bố trí công trình xử lý khí thải

* Khí thải từ máy phát điện:

Cơ sở sử dụng 01 máy phát điện dự phòng Máy phát điện công suất 180KVA hiện hữu, nhiên liệu DO với định mức tiêu thụ 103,7 lít dầu/giờ/máy. Do máy phát điện sử dụng nhiên liệu là dầu DO nên khi hoạt động chúng sẽ đốt cháy nhiên liệu và phát sinh ra khói, bụi, SO₂, NO₂, CO, CO₂... các loại khí thải này đều gây ra ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người. Theo Tổ chức Y tế thế giới (1993), nếu đốt lượng không khí dự kiến là 30% và nhiệt độ khí thải là 200⁰C thì lưu lượng khí thải sinh ra trong khi đốt cháy 01 kg dầu DO là 22-25 m³/khí thải.

Bảng 4.15: Nồng độ các chất ô nhiễm khi chạy máy phát điện dự phòng

STT	Thông số	Đơn vị	Nồng độ	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)
1	Bụi	mg/Nm ³	42,1	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	9,54	500
3	NO _x	mg/Nm ³	478,95	850
4	CO	mg/Nm ³	192,11	1.000

(Nguồn: Phạm Ngọc Đăng, 2003)

Nhận xét:

Qua tham khảo kết quả bảng 3.2 cho thấy nồng độ chất ô nhiễm trong khí thải phát sinh do sử dụng máy phát điện dự phòng đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn. Máy phát điện chỉ hoạt động khi trường hợp lưới điện bị sự cố mất điện, hoạt động không liên tục nên ảnh hưởng được xem là không đáng kể.

- Các biện pháp giảm thiểu tác động từ khí thải máy phát điện cần áp dụng như sau:

- + Sử dụng máy phát điện trong trường hợp xảy ra sự cố điện lưới;
- + Sử dụng nhiên liệu DO đảm bảo các chỉ tiêu cho phép;
- + Máy phát điện được đặt bên ngoài nhà xưởng sản xuất, có mái che, chân lót cao su chống rung.

4.2.3 Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

a. Chất thải rắn thông thường:

Tổng số nhân viên trong giai đoạn hoạt động là 16 người. Lượng CTR bình quân đầu người khoảng 0,8 kg/người/ngày. Như vậy ước tính tổng lượng CTR phát sinh từ nhân viên là: 12,8 kg/ngày.

Ngoài ra, còn phát sinh CTR từ khách hàng mua hàng và bảo dưỡng tại cửa hàng, ước tính khoảng 50 người/ngày. Tuy nhiên lượng phát sinh rất ít, ước tính lượng phát thải khoảng: 50 người/ngày × 0,1 kg/người/ngày = 5 kg/ngày.

Bùn thải từ bể tự hoại: Với hàm lượng TSS khoảng 201 mg/l

$$W_c = \frac{C \times Q \times E \times K \times t}{(100 - 90) \times 100 \times 1000}$$

Trong đó:

C = Hàm lượng chất lơ lửng trong nước thải.

Q = Lưu lượng ngày đêm của nước thải (m³/ngày.đêm). Lưu lượng nước thải sinh hoạt khoảng 0,97 m³/ngày.đêm.

E = Hiệu suất lắng của bể tự hoại E=50%. :

K = Hệ số tính đến sự gia tăng lượng bùn khi tiếp nhận bùn (K= 1,3).

t = Thời gian của một chu kỳ xả cặn 180 ngày

P = Độ ẩm của cặn, P = 90%.

$$W_1 = \frac{201 \times 0,97 \times 0,5 \times 1,3 \times 180}{(100 - 90) \times 100 \times 1000} = 0,023 \text{ m}^3$$

+ Lưu Lượng bùn:

$$Q_1 = (W_1 \times 365 \div t) \div 1,3 = 0,035 \text{ m}^3/\text{năm}$$

+ Khối lượng bùn tươi:

M₁ = Q₁ × độ ẩm bùn (90%) × R (khối lượng riêng bùn tươi 1.053kg/m³) = 0,035 x 0,9 x 1.053 = 33,17 kg/năm. (khoảng 0,09 kg/ngày).

Bảng 4.16: Thành phần chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình hoạt động

Thành phần		Mô tả	Khối lượng
Rác thải từ các hoạt động của cửa hàng			17,8 kg/ngày
Chất thải có thể phân	Rác hoa quả	Vỏ, cành, lá và các quả trái cây bị hư hỏng, thối rửa...	13,8 kg/ngày

Thành phần		Mô tả	Khối lượng
hủy sinh học	Thức ăn thừa	Bánh mì, cơm, thịt, rau...từ khu dịch vụ ăn uống	
	Nhựa không thể tái sinh	Túi nhựa	
	Khác	Mảnh gỗ, cát, bụi, cao su, giày, dép, vải, quần áo, thủy tinh, sành, sứ...	
Chất thải rắn thông thường khác			
Bùn thải Bể tự hoại			0,1 kg/ngày
Chất thải có thể tái sinh, tái sử dụng	Kim loại		4 kg/ngày
	Thủy tinh		
	Nhựa có thể tái sinh		
	Giấy có thể tái sinh		
	Khác		
Tổng			17,9 kg/ngày

Biện pháp giảm thiểu

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, lưu chứa vào các bao bì theo quy định. Bố trí các thùng chứa chất thải rắn: 2 thùng chứa có dung tích 20 lít trong cửa hàng.

Rác thải hằng ngày được thu gom tập trung tại khu vực trước cửa. Hợp đồng với Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận định kỳ thu gom 01 lần/ngày để vận chuyển chất thải rắn về nhà máy của Công ty đặt tại thôn Kiên Kiên, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc để xử lý trong ngày, không để tồn đọng sang ngày hôm sau.

b. Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 28 kg/tháng, gồm bóng đèn huỳnh quang hỏng, bình ắc quy, hộp mực in, giẻ lau dính dầu, bùn thải từ bể tách dầu và bể xử lý...

Bùn thải từ bể tách dầu và bể xử lý: Chủ yếu là lượng dầu thải, cặn dầu, vật liệu lọc như than hoạt tính,... Lượng phát sinh tùy thuộc vào tình hình hoạt động bảo dưỡng của công ty, ước tính phát sinh khoảng: 0,5-1 kg/ngày.

CTNH sẽ được thu gom về kho CTNH có diện tích 3,4 m²(kích thước: 2,17 m x 1,6 m).

Bảng 4.17: Thành phần chất thải nguy hại

TT	Chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Chất thải lẫn dầu	Lỏng	19 07 01	10
2	Bao bì cứng thải có thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	5
3	Bùn thải từ thiết bị tách dầu/nước	Rắn	17 05 02	3
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa	Rắn	18 02 01	10

	nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại			
Tổng		-		28

Nguồn: công ty TNHH Kim Song Mã

Đánh giá tác động:

Nếu không có biện pháp thu gom, quản lý đúng quy định có thể dẫn đến rò rỉ chất thải nguy hại ra môi trường đất, công thoát nước mưa gây ô nhiễm đất, môi trường xung quanh Dự án và các đối tượng xung quanh.

Biện pháp giảm thiểu

Thu gom vào 4 thùng chứa kín có dán mã CTNH theo quy định tại kho chứa chất thải nguy hại là kho kín có diện tích 3,4 m²(kích thước: 2,17 m x 1,6 m).

Định kỳ Công ty chuyên cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.



Hình 4.11: Tham khảo kho CTNH của cửa hàng Kim Song Mã khác

4.2.4 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Tiếng ồn và độ rung phát sinh tại dự án chủ yếu từ hoạt động khởi động xe máy; đây là nguồn gây ồn không thường xuyên, chỉ khi khởi động xe máy.

Biện pháp giảm thiểu

- Máy phát điện đặt tại phòng đặt máy phát điện. Kiểm tra và thay thế đệm cao su, lò xo chống rung cho nền máy phát điện dự phòng. Mặt khác, tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện không thường xuyên, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện.

- Trồng cây xanh, những vườn hoa nhỏ quanh khu vực văn phòng.

- Xí nghiệp thực hiện duy tu, bảo dưỡng một số máy móc thiết bị như máy bơm (như tra dầu mỡ cho máy bơm...) theo quy định.

- Hạn chế khởi động xe máy cùng lúc tại khu vực sửa chữa xe.

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.2.5 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Các rủi ro và sự cố môi trường

- Lượng rác thải quá nhiều nếu không thu gom hết trong một ngày làm tồn đọng rác thải gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường khu vực dân cư xung quanh.

- Sự cố cháy nổ: Quá trình sửa chữa bảo dưỡng xe máy chỉ cần một sơ suất nhỏ cũng có thể dẫn tới cháy gây ảnh hưởng lớn tới kinh tế và tài sản và tính mạng của người dân.

Biện pháp giảm thiểu

- Chỉ những nhân viên được đào tạo về chuyên môn mới được phân công quản lý, sửa chữa phương tiện xe máy.

- Các tủ điện phân phối phải được lắp đặt ở các vị trí khô, thoáng, có nắp hộp bảo vệ, thuận lợi cho việc sửa chữa và xử lý khi gặp sự cố.

- Các thiết bị điện trước khi đấu vào hệ thống điện phải được kiểm tra các thông số kỹ thuật, bảo đảm vận hành an toàn.

- Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình bao gồm: các bình chữa cháy xách tay, nút nhấn khẩn, đèn báo cháy và còi báo động.

- Đảm bảo an toàn lưới điện; cụ thể:

Để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành, toàn bộ các cần đèn, cột đèn, tủ điều khiển và các phần kim loại khác phải được nối đất an toàn và tuân thủ chặt chẽ các quy phạm về thi công lắp đặt công trình điện. Điện trở nối đất phải đảm bảo $R_{nd} \leq 10\Omega$ bất kỳ thời gian nào trong năm. Hệ thống nối đất sử dụng thép hình và dây sắt tròn. Tất cả các chi tiết kim loại phải mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày lớp mạ tối thiểu là $80\mu m$.

4.3 Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

4.3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Bảng 4.18: Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

TT	Danh mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
Giai đoạn xây dựng					
1	Lắp hàng rào tole, lưới bảo vệ	HT	01	20.000.000	20.000.000
2	Thùng chứa chất thải rắn 20 lít	Cái	2	40.000	80.000
3	Bảo hộ lao động công nhân	Bộ	20	100.000	2.000.000
Tổng (1)					22.080.000

TT	Danh mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
Giai đoạn hoạt động					
1	Hệ thống thoát nước mưa	HT	1	5.000.000	5.000.000
2	Hệ thống thoát nước thải	HT	1	10.000.000	10.000.000
3	Bể tự hoại	BỂ	1	10.000.000	10000..000
4	Bể tách dầu	BỂ	1	5.000.000	5.000.000
5	Bể ba ngăn	BỂ	1	10.000.000	10.000.000
6	Hệ thống xử lý khí thải	HT	1	30.000.000	30.000.000
7	Trồng và chăm sóc cây xanh	HT	1	5.000.000	5.000.000
8	Hệ thống PCCC	HT	1	20.000.000	20.000.000
9	Thùng chứa CTR sinh hoạt 20 lít	cái	2	80.000	160.000
10	Thùng chứa CT nguy hại 20 lít	cái	4	80.000	320.000
11	Kho CTNH	Kho	1	10.000.000	10.000.000
	Tổng (2)				105.480.000
	Tổng (1)+(2)				127.560.000

4.3.2 Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Công ty có trách nhiệm theo dõi và quản lý chất thải, giải quyết mọi vấn đề liên quan đến trật tự, môi trường của dự án khi đi vào hoạt động để kịp thời đưa ra những giải pháp và cùng lãnh đạo giải quyết các vấn đề về môi trường nảy sinh.

Bảng 4.19: Tổ chức nhân sự cho công tác quản lý môi trường của khu trung tâm

STT	Công việc	Người thực hiện	Ghi chú
1	- Quản lý chung - Thực hiện các quy định BVMT khu vực trung tâm	Trưởng phòng	Các công việc sẽ được thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của dự án
2	Quản lý CTR; CTNH	Nhân viên	
3	Quản lý và giải quyết các rủi ro, sự cố	Quản lý điều hành	
4	- Phòng chống các sự cố môi trường - Hoạt động phun nước chống bụi trên đường giao thông nội bộ của dự án	Nhân viên	

4.4 Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

4.4.1 Mức độ chi tiết của các đánh giá

Báo cáo nhận dạng tác động của Dự án đã được xây dựng trên cơ sở xem xét từng hoạt động của Dự án đối với môi trường tiếp nhận tương ứng với các đặc trưng về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội khu vực. Nếu thực hiện dự án sẽ xuất hiện các tác động tới chất lượng môi trường không khí, ồn, rung, chất lượng nước, đất, tác động tới giao thông, tác động do tập trung công nhân và các vấn đề kiểm soát quản lý chất thải, những sự cố rủi ro.

Mức độ chi tiết của các đánh giá cũng được thể hiện trong các tính toán về nguồn thải dựa trên các số liệu về phương tiện, máy móc, vật liệu sử dụng, công nghệ áp dụng, nhân lực thực hiện Dự án và theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức được quy định trong các văn bản pháp lý của Nhà nước Việt Nam, các tổ chức quốc tế.

4.4.2 Độ tin cậy của các đánh giá

- Đánh giá tác động đến môi trường nước: nước thải là một yếu tố quan trọng của dự án, báo cáo đã xác định được các nguồn phát sinh nước thải của cả dự án, lưu lượng thải, tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải. Đánh giá về tác động này chi tiết và có độ tin cậy cao.

- Đánh giá tác động đến môi trường không khí: bụi, khí thải là yếu tố tác động mạnh của dự án, các số liệu phát sinh lượng khí thải, bụi trong khí thải là tham số tính toán từ các nguồn tài liệu giảng dạy chuyên ngành. Do đó, công tác đánh giá về khí thải có độ tin cậy cao.

- Đánh giá lượng chất thải rắn nguy hại: việc xác định nguồn thải, tải lượng thải liên quan đến CTNH mang tính dự báo, mức độ tin cậy trung bình.

- Các rủi ro, sự cố môi trường có khả năng xảy ra: Báo cáo đã liệt kê các rủi ro sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án.... Mức độ tin cậy trung bình

Tóm lại, việc sử dụng tổng hợp các phương pháp đánh giá, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đã đánh giá về định tính và định lượng những tác động, phạm vi tác động. Với những tác động chính, công tác đánh giá có độ tin cậy cao. Kết quả này giúp Chủ dự án đưa ra những biện pháp hạn chế, khắc phục những tác động và rủi ro có hiệu quả nhất trong điều kiện hiện có.

CHƯƠNG 5

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn thải 1: nước thải sinh hoạt nhân viên và khách hàng ước tính khoảng 1,36 m³/ngày.
- + Nguồn thải 2: nước thải rửa xe máy ước tính khoảng 1,23 m³/ngày.

b. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 2,59 m³/ngày.đêm

c. Tóm tắt quy trình xử lý:

Nước thải sinh hoạt → 01 bể tự hoại 03 ngăn dung tích 11,73 m³ → Đầm xả (hố ga trên đê kênh Nhị Phước) → hệ thống thoát nước thải tập trung thành phố Phan Rang Tháp Chàm → Nhà máy xử lý nước thải chung thành phố Phan Rang Tháp Chàm

Nước thải rửa xe → bể tách dầu dung tích 0,5m³ → bể ba ngăn dung tích 2m³ → Đầm xả (hố ga thoát nước trên đường 16 tháng 4) → hệ thống thoát nước chung thành phố Phan Rang Tháp Chàm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOCl; than hoạt tính.

d. Dòng nước thải:

Dòng 1: Nước thải sinh hoạt qua xử lý bằng bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung thành phố Phan Rang Tháp Chàm và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải chung thành phố Phan Rang Tháp Chàm xử lý.

Dòng 2: Nước thải rửa xe sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước chung thành phố Phan Rang Tháp Chàm.

e. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

e.1. Nước thải sinh hoạt

- Vị trí xả nước thải sinh hoạt: có tọa độ X = 1279122, Y = 580745 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108⁰15, múi chiếu 3⁰) tại hố ga trên đê Kênh Nhị Phước.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước thải thành phố Phan Rang Tháp Chàm và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải chung thành phố Phan Rang Tháp Chàm xử lý.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy

- Chế độ xả nước thải: Liên tục

e.2. Nước thải rửa xe:

- Vị trí xả nước thải rửa xe: có tọa độ X = 1279159, Y = 580764 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 108⁰15, múi chiếu 3⁰) tại hố ga thoát nước chung trên đường 16 tháng 4.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung thành phố Phan Rang Tháp Chàm.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy
- Chế độ xả nước thải: Liên tục

f. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:

Không có yêu cầu về chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào vào hệ thống thoát nước chung thành phố Phan Rang Tháp Chàm.

Chất lượng nước thải rửa xe trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt giá trị QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B)	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	pH	-	5,5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120		
3	Nhu cầu ô xy hóa học (COD)	mg/L	150		
4	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocarbon)	mg/L	18		

5.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải

a. Nguồn phát sinh: khí thải xả ô tô xe máy

b. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 30 m³/giờ

c. Tóm tắt quy trình xử lý:

Khí xả ô tô xe máy → Thùng lọc khí → xả ra ngoài môi trường.

d. Dòng khí thải: Khí xả ô tô xe máy sẽ được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ – cột B trước khi xả ra ngoài môi trường.

e. Vị trí, phương thức xả khí thải và nguồn tiếp nhận khí thải:

+ Tọa độ vị trí xả khí thải: có tọa độ X = 1279118, Y = 580758 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15, múi chiếu 3⁰)

+ Phương thức xả: Tự xả

+ Hình thức xả: gián đoạn

+ Nguồn tiếp nhận: môi trường không khí chung của khu vực

e. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt giá trị đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ – cột B, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		

5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn và độ rung

5.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Tiếng ồn và độ rung phát sinh tại dự án chủ yếu từ hoạt động khởi động xe máy trong quá trình sửa chữa xe máy và hoạt động của máy phát điện; đây là nguồn gây ồn không thường xuyên, chỉ khi khởi động xe máy.

- Nguồn số 01: khu vực sửa chữa xe máy;
- Nguồn số 02: khu vực để máy phát điện

5.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 108⁰15, múi chiều 3⁰)

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1279134; Y = 580757;
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1279132; Y = 580755;

Tiếng ồn, rung phải đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

5.3.2.1. Tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

5.3.3.2. Độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

5.3.3. Bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện đặt tại phòng đặt máy phát điện. Kiểm tra và thay thế đệm cao su, lò xo chống rung cho nền máy phát điện dự phòng. Mặt khác, tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện không thường xuyên, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện.

- Trồng cây xanh, những vườn hoa nhỏ quanh khu vực văn phòng.

- Xí nghiệp thực hiện duy tu, bảo dưỡng một số máy móc thiết bị như máy bơm (như tra dầu mỡ cho máy bơm...) theo quy định.

- Hạn chế khởi động xe máy cùng lúc tại khu vực sửa chữa xe.

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

CHƯƠNG 6

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

6.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Khoảng thời gian 3 tháng kể từ khi hoàn tất thi công. Công suất vận hành thử nghiệm: Đạt 100% công suất thiết kế.

Dự kiến theo tiến độ (thời gian thực tế có thể sai khác): 10/2024

6.1.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

6.1.2.1 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải

Đối với hệ thống xử lý nước thải rửa xe.

Thời gian lấy mẫu dự kiến: 01/10/2024; 02/10/2024; 03/10/2024

Số lượng mẫu: 03 mẫu

Tần suất lấy mẫu: Được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải rửa xe.

Vị trí lấy mẫu:

Vị trí có tọa :

- X = 1279118, Y = 580758 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°) vị trí tại cuối đường ống thoát nước thải vào hố ga thoát nước chung trên đường 16 tháng 4.

Thông số lấy mẫu: pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu ô xy hóa học (COD); Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocarbon)

Quy chuẩn so sánh: quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B.

Đối với hệ thống xử lý khí thải.

Thời gian lấy mẫu dự kiến: 01/10/2024; 02/10/2024; 03/10/2024

Số lượng mẫu: 03 mẫu

Tần suất lấy mẫu: Được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải.

Thông số lấy mẫu: Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x

Vị trí lấy mẫu:

Vị trí có tọa độ :

- $x = 1279118$, $y = 580758$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3^0) vị trí tại ống thoát khí thải.

Quy chuẩn so sánh: Quy định tại QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ – cột B.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại Điều 97 và phụ lục số XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ và quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Căn cứ quy định tại Điều 98 và phụ lục số XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ và quan trắc khí thải tự động, liên tục.

CHƯƠNG 7

CAM KẾT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đối với các công trình bảo vệ môi trường, chủ cơ sở cam kết:

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, chúng tôi sẽ kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố về môi trường xảy ra do triển khai và vận hành dự án.

7.1. Về thu gom và xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt qua xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải tập trung thành phố Phan Rang Tháp Chàm và dẫn về Nhà máy xử lý nước thải chung thành phố Phan Rang Tháp Chàm xử lý.

Nước thải rửa xe sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B sẽ được thoát về hệ thống thoát nước chung thành phố.

7.2. Về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt

Dự án cam kết thường xuyên thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường, không làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và chuyển giao cho đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý thông qua hợp đồng.

7.3. Về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh hàng ngày sẽ thu các thùng chứa tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 3,4 m²(kích thước: 2,17 m x 1,6 m), có cửa, bên ngoài kho có dán dấu hiệu cảnh báo CTNH theo quy định. Mặt sàn kho lưu giữ CTNH kín khít, không bị thấm thấu, nhằm tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và được xây gờ cao để ngăn không cho chất thải nguy hại bên trong tràn ra ngoài.

Lập sổ theo dõi quản lý CTNH.

Thiết kế đúng quy cách kho lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Công ty hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

PHỤ LỤC BÁO CÁO